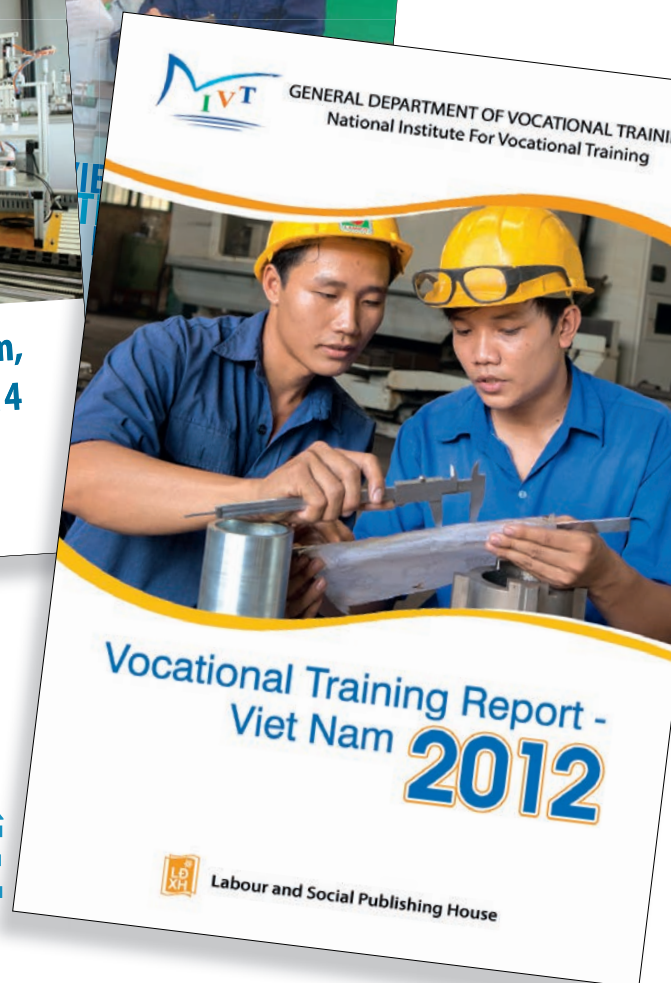




TỔNG CỤC DẠY NGHỀ
Viện nghiên cứu Khoa học Dạy nghề



HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG BÁO CÁO DẠY NGHỀ VIỆT NAM BỀN VỮNG

Ts. Steffen Horn

với sự đóng góp của: Simone Flemming, Bettina Janssen, Britta van Erckelens



Thực thi bởi

giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

TCDN

Xuất bản

Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề (NIVT)

Tầng 14, Tòa nhà Liên cơ quan Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,
Khu D25, Ngõ 8B, đường Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam
Internet: <http://khdn.tcdn.gov.vn>

Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề tại Việt Nam (GIZ)

Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ)
Tầng 2, số 1, ngõ 17, phố Tạ Quang Bửu
Hà Nội, Việt Nam
Internet: <http://www.tvet-vietnam.org>; <http://www.giz.de/vietnam>

Tác giả:

Ts. Steffen Horn

Với sự đóng góp của:

Simone Flemming, BIBB
Bettina Janssen, BIBB
Britta van Erckelens, BIBB

Biên tập:

Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề tại Việt Nam

Thiết kế:

WARENFORM, Berlin

Biên dịch:

Allan Brown, Brown Translations, Zell am Main

Năm và nơi xuất bản:

Hà Nội, Việt Nam, 2015

Giấy phép:

Bản dịch tiếng Việt dựa trên báo cáo khoa học: „Báo cáo giáo dục chuyên nghiệp tại Việt Nam - phản ánh qua quá trình tư vấn“ (Heft-Nr. 165) của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức (BIBB)
Tải về:

<https://www.bibb.de/veroeffentlichungen/de/publication/show/id/7797>

Mục lục

Danh mục hình ảnh	4
Danh mục bảng biểu	4
Từ viết tắt	4
1 Lời mở đầu	5
1.1 Mục tiêu và đối tượng nhận Hướng dẫn	5
1.2 Hợp tác ba bên Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức – Viện Nghiên cứu Khoa học dạy nghề – Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ)	5
1.3 Lập báo cáo dạy nghề ở Đức và Việt Nam	6
1.3.1 Giới thiệu: Lập báo cáo dạy nghề là gì?	6
1.3.2 Lập báo cáo dạy nghề ở Đức	6
1.3.3 Lập báo cáo dạy nghề ở Việt Nam	7
2 Thực hiện lập Báo cáo Dạy nghề bền vững cho Việt Nam	8
2.1 Các điều kiện tổ chức	8
2.1.1 Thể chế hóa quy định	8
2.1.2 Triển khai tổ chức tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề – Quản lý dự án	9
2.2 Các điều kiện trình độ chuyên môn	15
2.3 Sự tham gia của các bên liên quan	16
3 Yêu cầu về một hệ thống chỉ số cho các báo cáo dạy nghề	16
3.1 Cơ sở xây dựng các chỉ số	16
3.2 Các bước xây dựng các chỉ số	23
3.3 Tính so sánh của các chỉ số	27
3.3.1 Phân tích xu hướng	27
3.3.2 Tính so sánh quốc tế và khu vực	27
3.4 Mô hình chất lượng và tác động của dạy nghề	28
4 Khuyến nghị và đề xuất thực tế cho Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề	29
Tài liệu tham khảo	30

Danh mục hình ảnh

Hình 1:	Các góc độ về quản lý dạy nghề	9
Hình 2:	Cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề	12
Hình 3:	Cơ cấu dự án để lập báo cáo dạy nghề Việt Nam hàng năm tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề	15
Hình 4:	Tích hợp dự án lập báo cáo dạy nghề vào cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề	16
Hình 5:	Kế hoạch thời gian và lịch trình lập báo cáo dạy nghề Việt Nam năm 2011	18
Hình 6:	Xây dựng tỉ lệ nhập học trong dạy nghề kép trên toàn nước Đức từ năm 1992	24
Hình 7:	Xây dựng tỉ lệ nhập học trong dạy nghề kép trên toàn nước Đức từ năm 1992 theo giới tính	25
Hình 8:	Các khác biệt trong tỉ lệ nhập học theo giới tính do các tỉ lệ đào tạo cao và khác nhau trong các ngành nghề dịch vụ	26
Hình 9:	So sánh các nhóm đối chứng của các cơ sở dạy nghề được hỗ trợ và không được hỗ trợ tại Việt Nam	27
Hình 10:	Số lượng các nghề đào tạo theo thời gian đào tạo (2004 - 2013)	28
Hình 11:	Tỉ lệ tham gia đào tạo từ 1994 – 2011: các tỉ lệ thay đổi bằng %	28
Hình 12:	Trình bày định nghĩa tỉ lệ tham gia đào tạo	29
Hình 13:	Các bước xây dựng chỉ số	37
Hình 14:	Số lượng người bắt đầu học nghề ở Việt Nam (theo loại hình trường học)	41

Danh mục bảng biểu

Bảng 1:	Các chủ đề và chỉ số/số liệu của các báo cáo dạy nghề Việt Nam năm 2011 và 2012	32
Bảng 2:	Bảng hỗ trợ để định nghĩa các chỉ số	38
Bảng 3:	Checklist để lập báo cáo dạy nghề ở Việt Nam	

Từ viết tắt

BIBB	Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức
CIM	Trung tâm Di trú quốc tế và Phát triển
GDVT	Tổng cục Dạy nghề Việt Nam
GIZ	Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ)
GSO	Tổng cục Thống kê Việt Nam
ILO	Tổ chức Lao động quốc tế
ILSSA	Viện Khoa học Lao động và Xã hội Việt Nam
MOET	Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (Ministry of Education and Training)
MoLISA	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam (Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs)
NIVT	Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề (National Institute for Vocational Training)
PVT	Chương trình Đào tạo nghề 2008
RWI	Viện Nghiên cứu kinh tế RWI của Đức

1 Lời mở đầu

1.1 Mục tiêu và đối tượng nhận Hướng dẫn

Hướng dẫn này trước tiên dành cho các cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề (NIVT) tại Việt Nam. Hướng dẫn hỗ trợ các cán bộ nghiên cứu khoa học này trong việc lập các báo cáo dạy nghề trong khuôn khổ tiếp tục phát triển hệ thống giám sát và báo cáo bền vững ở Việt Nam. Trong khuôn khổ hợp tác ba bên giữa Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang, Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề / Tổng cục Dạy nghề Việt Nam và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) – *Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam*, Hướng dẫn này là công cụ phát triển năng lực trong hợp tác dạy nghề Đức – Việt. Hướng dẫn này xây dựng dựa trên cơ sở kinh nghiệm và tính cấp thiết của quá trình tư vấn từ năm 2010 để xây dựng một hệ thống giám sát và báo cáo dạy nghề bền vững và đề cập đến những nội dung tư vấn chủ đạo – các yêu cầu về trình độ chuyên môn, quản lý dự án và xây dựng các chỉ số.

Hướng dẫn này củng cố lại những kiến thức đã được chuyển giao trong quá trình tư vấn và tạo điều kiện định hướng cho những cán bộ khoa học mới của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề. Những yếu tố tổ chức chủ đạo và các cơ sở kiến thức cần thiết để xây dựng các báo cáo dạy nghề Việt Nam được trình bày như một hướng dẫn thực hành “trọn gói” được thể hiện ở dạng văn bản rõ ràng và dễ hiểu. Ngoài ra, các đề xuất, gợi ý và những lời khuyên cũng được đưa ra để làm sao có thể phát huy các kết quả đã đạt được và tiếp tục xây dựng báo cáo dạy nghề tại Việt Nam. Hướng dẫn được biên soạn dựa trên những cơ sở sau đây:

- Các bài trình bày và báo cáo từ các cuộc hội thảo chung giữa Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang, Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) về việc xây dựng báo cáo dạy nghề tại Việt Nam (xem BIBB 2012, BIBB 2011),
- Các đề xuất và báo cáo đánh giá được xây dựng trong quá trình biên soạn báo cáo dạy nghề tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề (xem TỔNG CỤC DẠY NGHỀ; TỔ CHỨC HỢP TÁC QUỐC TẾ ĐỨC (GIZ) 2014, HORN 2014a, HORN 2014b, HORN 2012a, Horn 2012c),
- Những ví dụ minh họa từ công tác lập báo cáo dạy nghề của Đức trong 5 năm trước (xem BIBB 2014a; BIBB 2014b; BIBB 2013; BIBB 2010a),
- Các ví dụ từ hai báo cáo dạy nghề đầu tiên của Việt Nam cũng như các ý kiến nhận xét liên quan từ phía Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang, chuyên gia hòa nhập của Trung tâm Di trú quốc tế và Phát triển (CIM) tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) (xem VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC DẠY NGHỀ QUỐC GIA 2010 và 2013b),

- Các kinh nghiệm từ quá trình triển khai Hợp tác Việt-Đức „*Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề tại Việt Nam*“,
- Các báo cáo về xu hướng phát triển liên quan đến dạy nghề hiện nay ở Việt Nam,
- Tài liệu về nghiên cứu dạy nghề, nghiên cứu thực nghiệm xã hội và đánh giá,
- Các nghiên cứu lần vết học viên tốt nghiệp và khảo sát doanh nghiệp.

1.2 Hợp tác ba bên Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức – Viện Nghiên cứu Khoa học dạy nghề – Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ)

Từ năm 2010, Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức cùng với Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) đã tư vấn xây dựng một hệ thống giám sát và báo cáo dạy nghề bền vững. Kể từ năm 2006, thỏa thuận hợp tác ba bên giữa Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức, Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) và Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề (đơn vị trực thuộc Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (MoLISA)) đã được thiết lập.

Đặc biệt, kể từ năm 2010, Hợp tác tập trung vào tăng cường năng lực để biên soạn các báo cáo dạy nghề. Cho đến nay các báo cáo dạy nghề của Việt Nam cho các năm 2011 và 2012 đã được xuất bản. Báo cáo dạy nghề 2013/14 sẽ được công bố vào cuối năm 2015.

Việc lập những báo cáo này được hỗ trợ về mặt nội dung và tổ chức thông qua Hợp tác Phát triển Việt - Đức “*Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam*“, Hợp tác Kỹ thuật do Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) thực hiện theo yêu cầu của Bộ Hợp tác và Phát triển kinh tế Liên bang Đức (BMZ). Trong khuôn khổ chương trình này, Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề đã nhận được sự hỗ trợ của một chuyên gia CIM về lĩnh vực giám sát ngành dạy nghề trong gần 3 năm. Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) – *Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề tại Việt Nam* đã liên tục cùng nhau tư vấn cho các cán bộ khoa học của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề và các cán bộ nhân viên của Tổng cục Dạy nghề về

- cơ sở pháp lý và khung thể chế đối với công tác giám sát ngành và lập báo cáo
- xác định các nhu cầu thông tin của Tổng cục Dạy nghề/Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,
- xác định các bên liên quan chính trong hệ thống dạy nghề Việt Nam để biên soạn báo cáo
- xác định các vấn đề trọng tâm của quản lý dạy nghề
- cấu trúc nội dung của các báo cáo dạy nghề
- xây dựng các chỉ số

- xử lý và phân tích dữ liệu
- bố cục, trình bày kết quả và kiểm soát chất lượng các báo cáo dạy nghề
- xây dựng các chủ đề trọng tâm như tiêu chuẩn năng lực thực hiện và thiết kế để xuất và thực hiện phân tích chi phí – lợi ích.

Trọng tâm tư vấn trong giai đoạn thí điểm là thiết kế các điều kiện khung thể chế. Điều này bao gồm việc đảm bảo các cán bộ khoa học của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề có được những kỹ năng cần thiết, đặc biệt là xây dựng các chỉ số. Hoạt động hỗ trợ cũng bao gồm việc thiết lập cơ cấu quản lý dự án, dưới hình thức các đội dự án để giám sát việc biên soạn báo cáo dạy nghề. Dịch vụ tư vấn được thực hiện thông qua các hội thảo diễn ra hai lần mỗi năm tại Việt Nam cũng như các chuyến tham quan học tập của cán bộ Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề tại Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức và trao đổi thông qua các cuộc hội đàm Video, Skype và qua điện thoại. Các dự thảo báo cáo sau đó do Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề lập cho năm 2011 và 2012 đã được phía Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức, Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) và các chuyên gia CIM tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề nhận xét đánh giá về chất lượng của báo cáo. Đánh giá này cũng bao gồm cả các khuyến nghị để cải tiến chất lượng.

Báo cáo dạy nghề đầu tiên cho năm 2011 đã được trình bày trong *Hội nghị Dạy nghề khu vực* do Bộ Hợp tác và Phát triển kinh tế liên bang (BMZ) và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đồng tổ chức vào tháng 10 năm 2012 tại Hà Nội với sự tham gia của GS. TS. Esser – Viện trưởng, Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức. Báo cáo dạy nghề năm 2012 đã được trình bày vào đầu tháng 4 năm 2014 tại Hội nghị Dạy nghề khu vực lần thứ hai của Bộ Hợp tác và Phát triển kinh tế liên bang Đức tổ chức tại Jakarta. Bản tiếng Anh được công bố vào tháng 06 năm 2014.

Dựa trên những kỹ năng cần thiết mà cán bộ Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề được phát triển thông qua hoạt động bồi dưỡng nâng cao và hướng dẫn và hoạt động theo mô hình đội dự án tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề, Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề đã tiếp tục biên soạn báo cáo dạy nghề lần thứ ba. Tư vấn của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) giới hạn ở việc nhận xét đánh giá bản dự thảo báo cáo và đào tạo trình độ chuyên môn cho cán bộ làm công tác khoa học của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề Việt Nam định hướng theo nhu cầu và thực tiễn, đặc biệt là về chủ đề trọng tâm *Phân tích Chi phí – Lợi ích*. Trong tương lai, tư vấn báo cáo dạy nghề sẽ tập trung vào các chủ đề trọng tâm, nâng cao chất lượng và nhận xét đánh giá dự thảo báo cáo.

1.3 Lập báo cáo dạy nghề ở Đức và Việt Nam

1.3.1 Giới thiệu: Lập báo cáo dạy nghề là gì?

Khái niệm *Lập báo cáo dạy nghề* đề cập đến việc thu thập liên tục, phân tích và tạo định dạng dữ liệu, cũng như công bố các kết quả phân tích trong các báo cáo dạy nghề nhằm cung cấp thông tin cần thiết để cải thiện quá trình ra quyết định và nâng cao sự hiểu biết về hiệu quả của hệ thống dạy nghề (xem BIBB 2012, BIBB 2010b). Một cách lý tưởng, lập báo cáo dạy nghề dựa trên hệ thống giám sát được thiết kế một cách hệ thống cho lĩnh vực dạy nghề với các kênh trao đổi dữ liệu nhất định, trách nhiệm nhất định trong việc phân tích và lập định dạng dữ liệu cũng như các kênh báo cáo đã được xác định. Khi có các báo cáo này trong tay, các nhà hoạch định chính sách có thể nhìn ra xu hướng, dự đoán sự phát triển trong tương lai và xác định nhu cầu ra quyết định chính sách cũng như thực hiện hành động cụ thể (xem MILDE 2011, trang 56). Trong Hướng dẫn này, các khái niệm *Lập báo cáo*, *Lập báo cáo dạy nghề* và *Lập báo cáo đào tạo nghề* được sử dụng với nghĩa như nhau.

1.3.2 Lập báo cáo dạy nghề ở Đức

Việc xây dựng và sử dụng hệ thống lập báo cáo dạy nghề là phụ thuộc chủ yếu vào nguyện vọng của các nhà hoạch định chính sách. Nguyện vọng thiết kế chính sách này ở Đức được thể hiện rất rõ ràng trong quy định pháp lý về lập báo cáo dạy nghề. Điều 86 Luật Dạy nghề (BbiG), Bộ Giáo dục và Nghiên cứu liên bang (BMBF) có nhiệm vụ thường xuyên theo dõi những phát triển trong dạy nghề và đệ trình một báo cáo dạy nghề về những phát triển đó cho đến ngày 01/04 hàng năm. Trong báo cáo này phải thể hiện tình hình và xu hướng phát triển dạy nghề trong tương lai. Nếu sự cân bằng về nơi học nghề ở khu vực và ngành có nguy cơ bị ảnh hưởng thì trong báo cáo phải đưa ra những đề xuất để xử lý nguy cơ này (BbiG 2005, Điều 86, Khoản 1).

Ngoài ra, nguyện vọng ban hành chính sách này còn được thể hiện ở sự sẵn sàng của Chính phủ Đức trong việc bảo đảm chất lượng trong hệ thống giáo dục dựa trên các cơ sở nghiên cứu khoa học đúng đắn và trong quá trình làm việc này tạo ra khung đánh giá đáng tin cậy cho triển vọng và cơ hội tương lai trong hệ thống dạy nghề (www.bundesregierung.de/Webs/Breg/DE/Themen/Bildung/Schulbildung/bildungsforschung/node.html, Ngày: 11.01.2015). Ở Đức, Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang chịu trách nhiệm thu thập, phân tích và tạo định dạng dữ liệu và công bố báo cáo dữ liệu cho các báo cáo dạy nghề (xem FRIEDRICH/KREKEL 2010). Từ năm 2009, báo cáo được phân chia thành báo cáo dạy nghề và báo cáo dữ liệu kèm theo. Qua đó có sự tách biệt rõ ràng giữa một phần chính sách do Chính phủ liên bang phê duyệt và một phần phi chính sách thuộc trách nhiệm của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang“ (xem DANH MỤC CÁC QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC LỰA CHỌN 2007, www.bibb.de/dokumente/pdf/empfehlung_123_neustrukturierung_berufsbildungs-

[bericht.pdf](#), phiên bản ngày: 11.01.2015). Báo cáo nghề bao gồm những phân tích và quyết định về chính sách do Bộ Giáo dục và Nghiên cứu liên bang soạn thảo với sự hỗ trợ của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang. Báo cáo này thể hiện các mục tiêu, khung pháp lý và các ưu tiên chính sách dạy nghề của Chính phủ liên bang. Ngoài ra, những phát triển và thách thức đối với dạy nghề, chẳng hạn như sự thay đổi về nhân khẩu cũng được làm rõ. Tình hình thị trường đào tạo được thể hiện và nhận xét trong thống kê dạy nghề hàng năm như quy định của luật (Điều 86, BbiG). Các biện pháp và chương trình chính sách giáo dục cũng như hợp tác quốc tế và Châu Âu trong dạy nghề đều được thảo luận. Sau cùng, báo cáo có nêu ý kiến của các bên liên quan đến chính sách dạy nghề (bao gồm cả Ban chỉ đạo của BIBB).

Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang lập Báo cáo dữ liệu cho báo cáo dạy nghề và nó là cơ sở cho báo cáo dạy nghề kèm theo. Báo cáo dữ liệu dạy nghề được chia thành 5 chương, cung cấp thông tin về các chỉ số dạy nghề (Chương A), phát triển dạy nghề thường xuyên (Chương B), một chủ đề trọng tâm chính (Chương C), những sáng kiến về chương trình và mô hình (Chương D) và các chỉ số và so sánh chuẩn quốc tế (Chương E). Khi thiết kế và xây dựng báo cáo dữ liệu dạy nghề ở Đức, ngay từ đầu người ta đã chú ý đến việc lập báo cáo phải dựa trên các chỉ số thích hợp. Do đó, báo cáo dữ liệu dạy nghề trở thành tiêu chuẩn cho việc tham khảo dạy nghề tại Đức (xem FRIEDRICH/KREKEL 2010). Trong đó, các chỉ số quan trọng và có ý nghĩa được cập nhật và tiếp tục hoàn thiện và cải tiến cùng với các công cụ (đánh giá) và các phương pháp phân tích (xem tài liệu nêu trên).

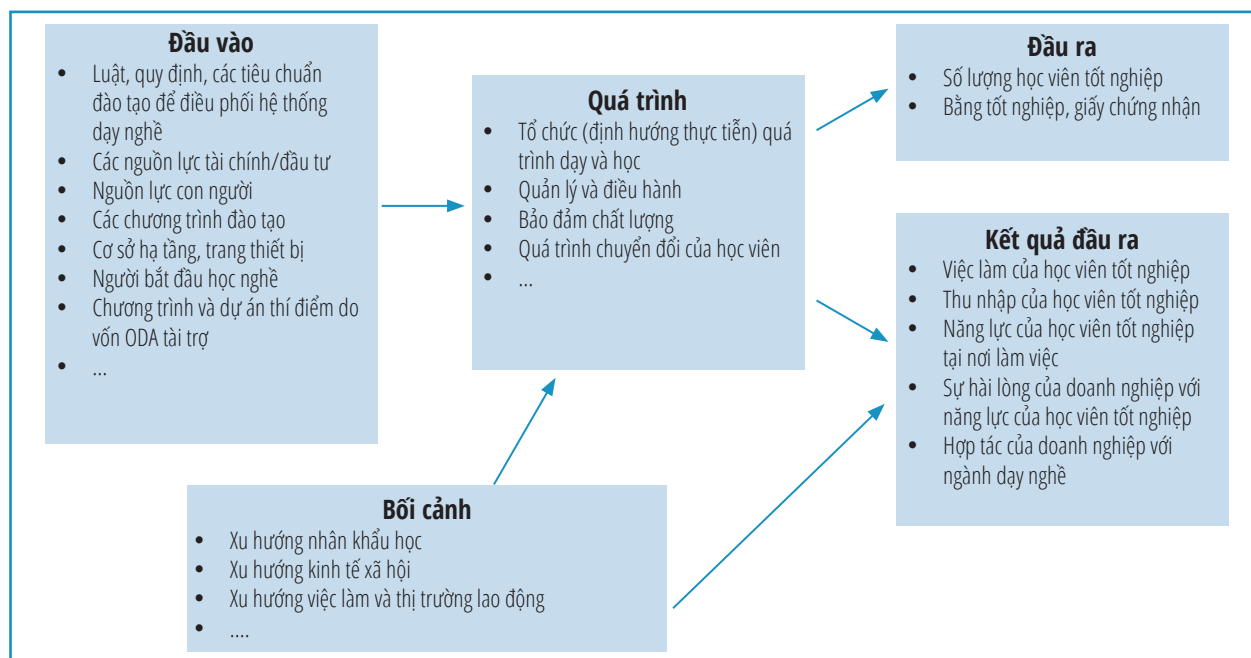
1.3.3 Lập báo cáo dạy nghề ở Việt Nam

Nền kinh tế Việt Nam đang duy trì tốc độ tăng trưởng. Tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế đang tiếp diễn tạo ra sự gia tăng nhu cầu về nhân lực có chất lượng phù hợp. Chính phủ Việt Nam xác định phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là hiệu quả trong lĩnh vực dạy nghề, như là yếu tố then chốt để tiếp tục phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia (xem NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 2012). Điều này được thể hiện trong những chiến lược chính sách hiện tại của Chính phủ Việt Nam, đặc biệt là Chiến lược phát triển dạy nghề 2011-2020 (xem tài liệu trên).

Sự ưu tiên chính sách dạy nghề chỉ có ý nghĩa khi quá trình ra quyết định chính sách dạy nghề được thực hiện dựa trên sự hỗ trợ của cơ sở dữ liệu đáng tin cậy. Sự tồn tại của những dữ liệu giàu thông tin hỗ trợ các quyết định chính sách dạy nghề sẽ giúp tăng hiệu quả của hệ thống dạy nghề Việt Nam, đặc biệt là định hướng thực tiễn và định hướng nhu cầu. Do đó, quan hệ hợp tác giữa Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức, Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề / Tổng cục Dạy nghề và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) giới thiệu ở Chương 1.2 được thiết lập nhằm mục đích hỗ trợ triển khai một hệ thống giám sát và báo cáo bền vững trong lĩnh vực dạy nghề ở Việt Nam.

Với sự hỗ trợ của chuyên gia hòa nhập, Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề đã xây dựng một dự thảo đề cương hệ thống giám sát ngành dạy nghề của Việt Nam. Hình 1 mô tả các góc độ quản lý về dạy nghề của dự thảo đề cương, xuất phát từ các mục tiêu của Chiến lược phát triển dạy nghề Việt Nam 2011-2020 và dựa trên các tài liệu tham khảo chuyên môn về dạy nghề quốc tế hiện có.

Hình 1: Các góc độ quản lý về dạy nghề



Nguồn: Xem Horn 2012c, trang 10, dựa trên Arnold/Faber/Wieckenberg 2002, trang 112 trở đi, BIBB 2010, trang 214 trở đi, Döbert ... 2009, trang 241, Horn 2011, trang 81 trở đi, Reichart/Mühlheims 2012, trang 31)

Hình 1 cho thấy những ưu tiên của Chính phủ Việt Nam để nâng cao hiệu suất của ngành dạy nghề. Những ưu tiên này liên quan đến các quá trình và kết quả đầu ra, cụ thể là

- Cải tiến *quá trình dạy và học* thông qua đào tạo trình độ chuyên môn cho cán bộ giảng dạy và cập nhật tài liệu dạy học và hiện đại hóa trang thiết bị
- Cải tiến *quản lý* trong hệ thống dạy nghề ở Việt Nam
- Quản lý *quá trình chuyển đổi* dựa trên hệ thống khuyến khích
- Tăng cường *hợp tác* giữa các doanh nghiệp Việt Nam và ngành dạy nghề và tăng mức độ hài lòng của các doanh nghiệp đối với năng lực của học viên tốt nghiệp từ hệ thống dạy nghề

- Cải thiện *tình hình việc làm*, đặc biệt là *thu nhập và năng lực* của học viên tốt nghiệp từ hệ thống dạy nghề (xem NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 2012; HORN 2014a).

Một hệ thống giám sát có tính hệ thống của ngành dạy nghề cần được xây dựng tập trung vào các khía cạnh này trong quá trình thiết lập báo cáo dạy nghề trong các năm tiếp theo. Trong đó, các báo cáo cần bao gồm cả các quyết định chính sách, mục tiêu, cơ sở pháp lý và các ưu tiên chính sách dạy nghề của Chính phủ Việt Nam cùng với dữ liệu phù hợp cho những lĩnh vực khác nhau.

2 Thực hiện lập Báo cáo Dạy nghề bền vững cho Việt Nam

Các yếu tố sau đây sẽ là những điều kiện trọng tâm để xây dựng thành công báo cáo dạy nghề bền vững, trên cơ sở các chỉ số tại Việt Nam:

- Sự tham gia tích cực ở góc độ chính trị, cho phép nhận diện vấn đề, thảo luận và đưa ra giải pháp
- Thể chế hóa quy định trong hệ thống dạy nghề Việt Nam, bao gồm cả xây dựng và sử dụng các cấu trúc quản lý phù hợp và các kênh báo cáo nhất định, cho phép trao đổi dữ liệu và thông tin hiệu quả cho các bên liên quan
- Gắn kết tất cả các bên liên quan tham gia vào quá trình (các đối tác xã hội: đại diện người lao động, đại diện giới chủ sử dụng lao động, đại diện chính sách của chính phủ cấp trung ương và cấp tỉnh, đại diện các lĩnh vực khác của hệ thống đào tạo (đặc biệt là Bộ Giáo dục và Đào tạo/ MoET), các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo...)
- Xây dựng và sử dụng cấu trúc tổ chức lập báo cáo dạy nghề tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề, đặc biệt là xây dựng các nhóm công tác bên trong và bên ngoài về trao đổi thông tin (quản lý thông tin)
- Đảm bảo có cán bộ có trình độ chuyên môn phù hợp, thông qua đào tạo trình độ chuyên môn và phát triển cán bộ
- Khả năng trông cậy vào nguồn dữ liệu của các bên liên quan khác (như Tổng Cục Thống kê Việt Nam (GSO) nhằm mục đích tập hợp dữ liệu và tính toán các chỉ số cũng như xây dựng (mới) các chỉ số
- Xây dựng và duy trì ngân hàng dữ liệu để quản lý minh bạch dữ liệu và
- Thực hiện các khảo sát, điều tra riêng và xây dựng nguồn dữ liệu riêng có lưu ý đến các tiêu chuẩn chất lượng tùy theo yêu cầu.

Trong các chương tiếp theo sẽ làm rõ hơn các điều kiện tổ chức và trình độ chuyên môn cũng như sự tham gia của các bên liên quan.

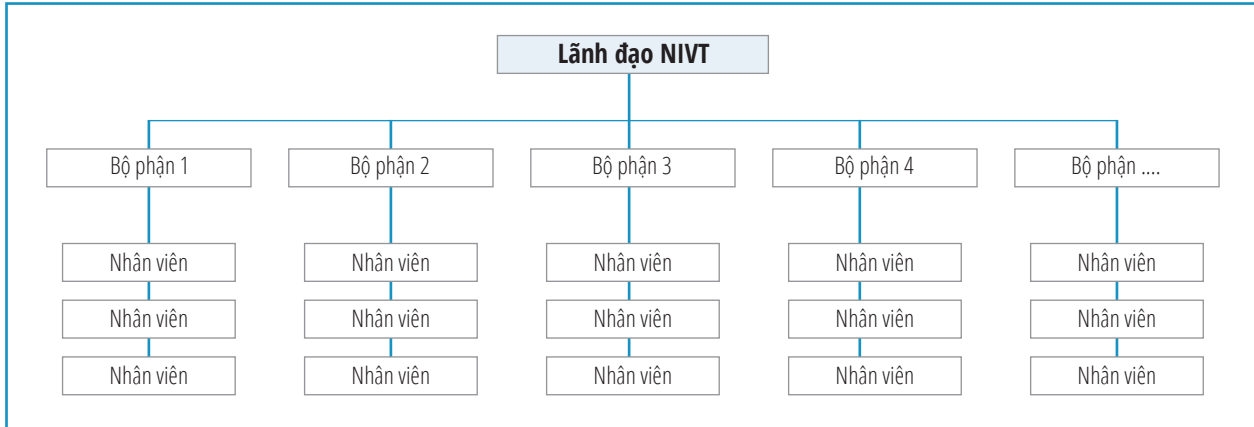
2.1 Các điều kiện tổ chức

2.1.1 Thể chế hóa quy định

Trong giai đoạn thí điểm triển khai lập báo cáo dạy nghề, tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề cần tạo ra các cơ cấu và quá trình cần thiết để củng cố vững chắc và đào tạo trình độ chuyên môn cho cán bộ khoa học của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề để làm việc hiệu quả trong các cơ cấu và quá trình này.

Cả hai báo cáo dạy nghề thí điểm năm 2011 và 2012 đều được lập trên cơ sở các đề xuất dự án của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề gửi cho Tổng cục Dạy nghề. Trong đó, Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề, với sự tư vấn của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ), đã soạn thảo một đơn yêu cầu dự án cho mỗi báo cáo và đệ trình đơn yêu cầu này lên Tổng cục Dạy nghề. Sau khi đơn yêu cầu được phê duyệt, việc lập báo cáo được bảo đảm. Bộ Dạy nghề Liên bang và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) đã hỗ trợ *Phát triển năng lực* cho cán bộ của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề. Trong quá trình lập cả hai báo cáo đầu tiên này, hầu như không thiết lập được các kênh trao đổi dữ liệu cũng như các kênh báo cáo lâu dài từ phía Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề. Trong Chiến lược dạy nghề 2011-2020, trong Điều 2, Khoản 3 nêu rõ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cần hợp tác chặt chẽ với các bộ ngành khác, như Bộ Giáo dục và Đào tạo trong công tác giám sát và triển khai chiến lược (xem NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 2012). Tuy nhiên, quan hệ hợp

Hình 2: Cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề



Nguồn: Tự minh họa

tác này ít được chú ý đến trong giai đoạn thí điểm (đối chiếu trang 18 trở đi). Một điều kiện trọng tâm để tiếp tục triển khai thành công công tác lập báo cáo dạy nghề ở Việt Nam là việc thể chế hóa quy định trong Tổng cục Dạy nghề/Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thay thế cho tình trạng dự án của các báo cáo và đảm bảo việc lập báo cáo liên tục.

2.1.2 Triển khai tổ chức tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề – Quản lý dự án

Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề là một bộ phận của Tổng cục Dạy nghề và làm việc chủ yếu trong lĩnh vực nghiên cứu dạy nghề định hướng theo yêu cầu, dự án và ứng dụng. Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề có nhiệm vụ cung cấp các dữ liệu và kết quả nghiên cứu cho Tổng cục Dạy nghề để đảm bảo việc điều hành ngành dạy nghề Việt Nam trên cơ sở các minh chứng. Đóng góp cho nhiệm vụ này chính là việc thảo luận tính phù hợp của báo cáo dạy nghề với Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề và Tổng cục Dạy nghề/Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và cuối cùng đi đến thỏa thuận thí điểm lập báo cáo dạy nghề tại Việt Nam. Thông qua hợp tác với Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ), Viện Nghiên cứu Dạy nghề sẽ có khả năng lập các báo cáo dạy nghề một cách độc lập và tiếp tục phát triển lập báo cáo dạy nghề tại Việt Nam.

Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề là một đơn vị trực thuộc Tổng cục Dạy nghề, bao gồm 8 phòng ban chuyên môn dưới ban lãnh đạo Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề (xem Hình 2):

1. Trung tâm Nghiên cứu phát triển kỹ năng và Chuẩn đào tạo nghề
2. Trung tâm Phân tích và Dự báo nhu cầu đào tạo nghề
3. Phòng Nghiên cứu chính sách đào tạo nghề
4. Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng và thực nghiệm
5. Phòng Nghiên cứu phát triển Chương trình dạy nghề
6. Tạp chí Khoa học dạy nghề
7. Văn phòng
8. Phòng Kế toán Tài vụ.

Do quy mô chuyên đề rộng nên việc lập báo cáo dạy nghề đòi hỏi chuyên môn của các cán bộ khoa học của các phòng ban chuyên môn khác nhau của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề. Do đó, trong phạm vi tư vấn, cùng với Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề, một cơ cấu dự án đã được xây dựng để lập hai báo cáo dạy nghề đầu tiên (xem Hình 3). Các cơ sở quản lý dự án, như đã được phổ biến cho Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề trong khuôn khổ các biện pháp tư vấn được giới thiệu trong phần Dự án và Quản lý dự án dưới đây.

Dự án và Quản lý dự án

Bên cạnh các điều kiện tổ chức (xem Chương 2.1), *quản lý dự án nội bộ ở Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề* là một yếu tố quan trọng để đảm bảo thiết lập báo cáo dạy nghề lâu dài ở Việt Nam. Do đó, dưới đây sẽ giới thiệu cách thức triển khai xây dựng báo cáo tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề như một dự án từ trước tới nay và cách thức tiếp tục xử lý, quản lý hiệu quả dự án này trong tương lai.

Các dự án ở các lĩnh vực chuyên môn và tổ chức khác nhau có mức độ phức tạp khác nhau. Do đó, các dự án cũng được định nghĩa khác nhau. Thông thường, các dự án sẽ có các đặc điểm chung sau đây:

- Các dự án giới hạn về mặt thời gian, có các mục tiêu nhất định (tầm nhìn, phương pháp, thực hiện). Để đạt được những mục tiêu này cần phải có các nguồn lực khổng lồ về kiến thức, con người và tài chính.
- Các dự án là những đổi mới, để hiện thực hóa được chúng thì phải xây dựng kiến thức mới và cơ cấu tổ chức mới.
- Các dự án đều hoàn chỉnh, do thông thường liên quan đến nhiều ngành và lĩnh vực trách nhiệm khác nhau của các tổ chức và chúng thường ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức chiều dọc có trong các tổ chức.
- Do đó lên kế hoạch và quản lý các dự án đều rất khó bởi vậy cần phải có khả năng quản lý đặc biệt (xem KUSTER ... 2011, trang 4).

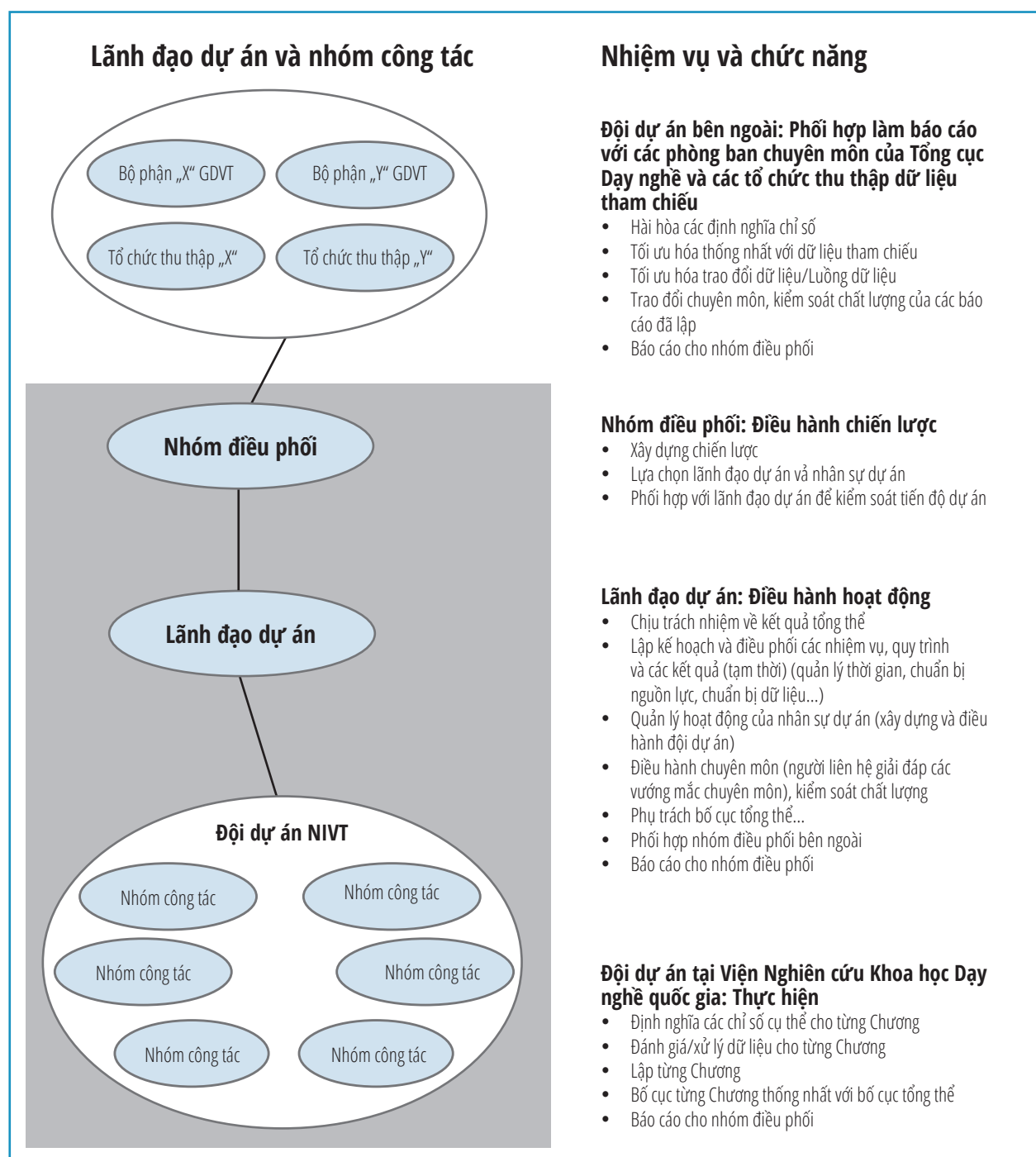
Quản lý dự án được hiểu là tất cả các hành động lên kế hoạch, giám sát, điều phối và quản lý cần thiết để lập kế hoạch mới hoặc điều chỉnh các quá trình trong các dự án và giải quyết vấn đề (xem ebd., trang 7). Yếu tố mang tính quyết định để có thể quản lý dự án thành công chính là Ban quản lý dự án. Ban quản lý này về cơ bản có 4 nhiệm vụ sau (theo ebd., trang 9):

- **Xác định mục tiêu và tổ chức xây dựng:** Khi bắt đầu các dự án hoặc bắt đầu các giai đoạn dự án phải xác định hoặc điều chỉnh Ban dự án, lập hoặc điều chỉnh đội dự án theo các khía cạnh chuyên môn, tổ chức

xã hội và xác định hoặc điều chỉnh các chức năng, vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm của tất cả cán bộ nhân viên của một dự án.

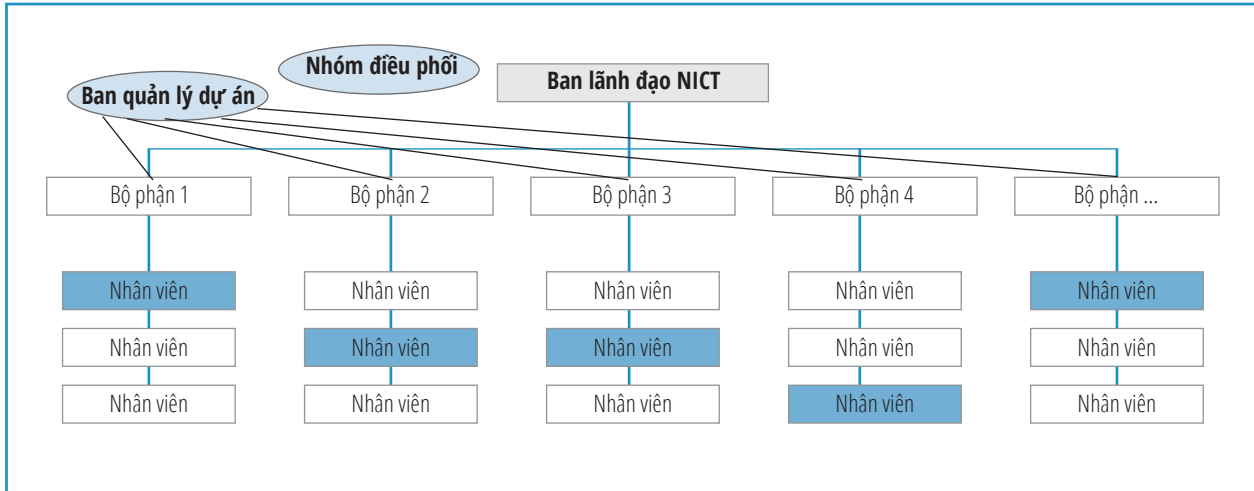
- **Tổ chức quá trình:** Khi bắt đầu dự án hoặc bắt đầu các giai đoạn dự án phải lập kế hoạch thời gian và lộ trình thực hiện, trong đó các nhiệm vụ của cán bộ dự án và kết quả công việc (và kết quả giữa kỳ) được xác định theo khung thời gian thực tế.
- **Phát triển nhân sự và hợp tác giữa cán bộ nhân viên:** Cần sử dụng nhân sự và đào tạo trình độ chuyên môn cho họ nếu cần để họ có thể thực hiện các

Hình 3: Cơ cấu dự án để lập báo cáo dạy nghề hàng năm của Việt Nam tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề



Nguồn: Tự minh họa

Hình 4: Tích hợp dự án lập báo cáo dạy nghề vào cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề quốc gia



Nguồn: Tự minh họa

nhệm vụ được giao. Cần phải đánh giá cách thức thiết kế hợp tác tối ưu và có thể tránh hoặc giải quyết được những xung đột, mâu thuẫn tiềm ẩn.

- Đo lường bằng công cụ/Quản lý tri thức: Tiếp theo phải xây dựng các phương tiện trợ giúp kỹ thuật để có thể đảm bảo đạt được mục tiêu. Liên quan đến việc xây dựng báo cáo dạy nghề, điều này có nghĩa là xây dựng ngân hàng dữ liệu có tất cả các dữ liệu liên quan, thường xuyên được cập nhật.

Bốn nhiệm vụ này sẽ được đề cập chi tiết hơn dưới đây.

Nhiệm vụ 1: Xác định mục tiêu và tổ chức xây dựng

Việc lập báo cáo dạy nghề hàng năm được tổ chức ở Việt Nam như là **một dự án hàng năm** tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề, có sự tham gia của hầu hết các phòng ban chuyên môn của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề. Những dự án này đã được lồng vào trong cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề quốc gia, bằng cách

- xác định **các mục tiêu**, đặc biệt là cấu trúc hóa nội dung, triển khai tổ chức các báo cáo dạy nghề và thống nhất với các bên liên quan chủ chốt của hệ thống dạy nghề Việt Nam,
- xác định một **lãnh đạo dự án** và một **nhóm điều phối**, trong đó lãnh đạo dự án và lãnh đạo Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề (xem Hình 4) là các thành viên trọng tâm của nhóm điều phối,
- từ các mục tiêu vạch ra **các nhiệm vụ**, đặc biệt là xác định nhu cầu thông tin, xây dựng các câu hỏi chính, phát triển một cấu trúc báo cáo với mục tiêu thiết kế nội dung cũng như lên kế hoạch truy cập dữ liệu và xử lý dữ liệu để thực hiện tổ chức các báo cáo,
- xác định các cán bộ (dự án) từ từng phòng ban chuyên môn, cùng làm việc trong các nhóm công tác trong **đội dự án nội bộ của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề** và phụ trách các chuyên đề, các chương nhất định của báo cáo dạy nghề và thực hiện các công việc sơ bộ.

Ngoài ra, việc thiết lập một đội dự án bên ngoài cũng đã được lên kế hoạch. Đội dự án bên ngoài này vẫn cần tiếp tục được xây dựng trong tương lai. Các cán bộ được lựa chọn sẽ thành lập lên một đội dự án lâu dài có lãnh đạo dự án, chịu trách nhiệm tổng thể về việc lập báo cáo. Dự án này được thiết kế chung với Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề. Hình 3 phía bên trái thể hiện lãnh đạo dự án, nhóm điều phối và đội dự án, bên phải các nhiệm vụ và chức năng cụ thể của họ.

Như hình minh họa, dự án này chủ yếu được thiết lập tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề. Khi thành lập các nhóm công tác nội bộ tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề, đã đạt được các kết quả rõ rệt trong giai đoạn thí điểm nhờ có sự tư vấn liên tục của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức, chuyên gia CIM tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ): Tức là các nhóm công tác về những lĩnh vực chủ đề cụ thể tham gia vào lập báo cáo kể từ năm 2011 và lãnh đạo dự án và nhóm điều phối liên tục điều phối các hoạt động của dự án. Hình 4 minh họa cách thức triển khai cụ thể tích hợp dự án vào cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề quốc gia.

Việc phân công cán bộ đội dự án vào các nhóm công tác nội bộ được thực hiện phù hợp với định hướng chuyên đề của từng phòng ban và chuyên môn của họ. Chẳng hạn như, Phòng Nghiên cứu chính sách đào tạo nghề sẽ làm Chương về Chính sách dạy nghề và Trung tâm Phân tích và Dự báo nhu cầu đào tạo nghề sẽ phụ trách Chương Thị trường Lao động liên quan đến dạy nghề. Việc tiếp tục bồi dưỡng trình độ chuyên môn cho các thành viên – đặc biệt là các cán bộ khoa học trẻ, mới làm việc trong các nhóm công tác – một cách có hệ thống trong khuôn khổ hợp tác ba bên phải gắn liền với các kết quả đạt được khi thành lập các nhóm công tác.

Ngược lại với những kết quả đạt được khi thành lập các nhóm công tác nội bộ tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề, đội dự án bên ngoài làm việc liên tục đã không thể

thành lập được. Các kênh trao đổi dữ liệu chính thức và phối hợp các quá trình thống nhất về các chỉ số của báo cáo dạy nghề có các hệ thống xác định của các tổ chức khác, đảm bảo có thể so sánh dữ liệu, cho đến nay vẫn ít được thiết lập. Kết quả là các chỉ số và số liệu của báo cáo dạy nghề năm 2011 và 2012 ít đồng bộ với các chỉ số của các tổ chức thu thập khác. Việc thành lập một đội dự án bên ngoài có đại diện của các phòng ban chuyên môn khác của Tổng cục Dạy nghề (như Phòng Giáo viên và

cán bộ quản lý dạy nghề, Phòng Kế hoạch và Tài chính, Phòng kiểm định chất lượng dạy nghề) cũng như các viện nghiên cứu và thu thập dữ liệu khác có liên quan (như GSO, Viện Khoa học Lao động và Xã hội (ILSSA)/Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các viện nghiên cứu của Bộ Giáo dục và Đào tạo...) vẫn là một thách thức lớn đối với việc đồng bộ hóa định nghĩa các chỉ số và thực tiễn thu thập dữ liệu cũng như đơn giản hóa công tác trao đổi dữ liệu..., thách thức này cần được ưu tiên giải quyết.

Khuyến nghị cho Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề

- Cán bộ của từng nhóm dự án phải được giữ ổn định. Việc luân chuyển cán bộ phải được hạn chế thấp nhất có thể.
- Cần tiếp tục phát triển lập kế hoạch chiến lược và hoạt động để đảm bảo độ tin cậy và chất lượng của kết quả. Điều này đặc biệt liên quan đến quản lý thời gian và quản lý rủi ro cũng như đảm bảo chất lượng.
- Phát triển con người: Cần tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho các cán bộ khoa học tham gia.
- Cần tăng cường hợp tác với các phòng ban chuyên môn khác của Tổng cục Dạy nghề, các viện nghiên cứu và cơ quan thu thập dữ liệu (như GSO, ILSSA/Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Viện nghiên cứu của Bộ Giáo dục và Đào tạo...). Cần thành lập một đội dự án bên ngoài có đại diện của các viện và phòng ban chuyên môn đã nêu để nâng cao truy cập dữ liệu và thống nhất trong xây dựng các chỉ số. Đội dự án bên ngoài này phải chịu sự điều phối của nhóm điều phối. Trong nhóm điều phối cần xây dựng một chiến lược làm thế nào để thu hút nhiều hơn sự tham gia của các bên liên quan khác.

Nhiệm vụ 2: Tổ chức quá trình

Khi lên kế hoạch, các bước được tiến hành tương tự với thực tiễn trong quản lý dự án (xem KUSTER...2011) như sau:

Bước 1, Lên kế hoạch sơ bộ: Xác định các kết quả, kết quả giữa kỳ và các gói công việc,

Bước 2, Lên kế hoạch thời gian và lịch trình: Cụ thể hóa các gói công việc và kết quả giữa kỳ và phân công trách nhiệm và thời hạn.

Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề với sự tư vấn của chuyên gia CIM và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) đã lập một kế hoạch thời gian và lịch trình sơ bộ để cấu trúc hóa toàn bộ quá trình xây dựng (xem Hình 5). Trên cơ sở đó, lãnh đạo dự án thực hiện phân bổ các nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ.

Hình 5: Kế hoạch thời gian và lịch trình lập báo cáo dạy nghề Việt Nam năm 2011

STT	Hoạt động	Người phụ trách	Đơn vị triển khai	Đơn vị phối hợp	Thời gian																													
					Tháng 1		Tháng 2		Tháng 3		Tháng 4		Tháng 5		Tháng 6		Tháng 7		Tháng 8		Tháng 9		Tháng 10											
1	Đề xuất dự án trình TCDN và phê duyệt bởi TCDN		VNCKHDN	TCDN																														
2	Thông nhất về kế hoạch hoạt động giữa VNCKHDN và GIZ, thảo luận về cấu trúc báo cáo		VNCKHDN	GIZ																														
3	Thông nhất về cấu trúc báo cáo Dạy nghề 2011 (thông tin cần thu thập, câu hỏi định hướng, chủ đề)		VNCKHDN	GIZ, BIBB																														
4	Xây dựng chỉ số viết báo cáo (hội thảo nội bộ về xây dựng chỉ số. Xây dựng chỉ số dạy nghề như thế nào theo nhu cầu thông tin và các câu hỏi định hướng)		VNCKHDN	TCDN																														
5	Hội thảo thống nhất về nhu cầu thông tin, câu hỏi định hướng, chủ đề và chỉ số		VNCKHDN	TCDN, BIBB, GIZ, TCTK, VKHLDXH																														
6	Cấu trúc cuối cùng của Báo cáo dạy nghề được lãnh đạo TCDN phê duyệt		TCDN																															
7	Yêu cầu về dữ liệu, viết báo cáo		VNCKHDN	TCDN																														
8	Hoàn thành dự thảo đầu tiên về báo cáo dạy nghề		VNCKHDN																															
9	Hội thảo thu thập thông tin phản hồi về dự thảo báo cáo		VNCKHDN	TCDN, BIBB, GIZ, TCTK, VKHLDXH																														
10	Hoàn thiện báo cáo		VNCKHDN	TCDN																														
11	TCDN phê duyệt báo cáo		TCDN	VNCKHDN																														
12	Dịch báo cáo sang tiếng Anh (gồm cả hiệu đính)		VNCKHDN	GIZ																														
13	In ấn (in màu)		VNCKHDN	GIZ																														
14	Công bố báo cáo dạy nghề trong Hội nghị Khu vực về Đào tạo nghề		VNCKHDN	GIZ, BIBB																														

Hội thảo
Sản phẩm đã được phê duyệt
Khoảng thời gian thực hiện

Nguồn: Tự minh họa

Lập kế hoạch năm cho từng hoạt động cụ thể diễn ra khá suôn sẻ. Có một thách thức lớn là việc hoàn thành đúng

hạn các kết quả. Do đó, các khía cạnh dưới đây của quản lý dự án được nhấn mạnh như những khuyến nghị.

Khuyến nghị cho Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề

- Phải rất ưu tiên việc thu thập dữ liệu tuân thủ đúng kế hoạch dự án.
- Các bên liên quan cần tham gia vào thu thập dữ liệu.
- Ngày hoàn thành báo cáo cần được xác định chính thức và lên kế hoạch chính xác.
- Quá trình phân tích và xử lý dữ liệu cho đến khi công bố cần ngắn nhất có thể, để có thể cung cấp các dữ liệu cập nhật cho các quá trình ra quyết định chính sách dạy nghề và sớm phản ứng với những phát triển có thể dự đoán được.
- Cần định hướng vào một nguyên tắc (rất quan trọng), đó là phải có các dữ liệu liên quan và cập nhật để quản lý.
- Việc tiếp nhận dữ liệu thứ cấp cần được lên kế hoạch chính xác. Quá trình xử lý dữ liệu không nên kéo dài nhiều hơn 1-2 tháng và cần có báo cáo trong 2 tháng sau khi nhận được dữ liệu ở dạng sản phẩm hoàn chỉnh.
- Các cán bộ khoa học của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề tham gia vào quá trình lập báo cáo cần được miễn thực hiện các nhiệm vụ khác trong khoảng thời gian lập các báo cáo dạy nghề.
- Lãnh đạo dự án cần kiểm soát liên tục và chính xác tiến độ dự án và bổ sung kịp thời trong trường hợp có khó khăn dự kiến hoặc đưa ra các chiến lược thay thế đảm bảo thực hiện được kết quả.
- Cần chú ý phát triển chất lượng của các chỉ số và báo cáo khi lập báo cáo năm (xem Hình 5).

Nhiệm vụ 3: Phát triển nhân lực và hợp tác giữa các cán bộ

Như đã giới thiệu, quy mô chuyên đề rộng của các báo cáo dạy nghề đòi hỏi chuyên môn của các cán bộ khoa học của các phòng ban chuyên môn khác nhau của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề. Một điều kiện cơ bản để đạt được mục tiêu là sự hợp tác mang tính xây dựng và hướng đến kết quả của các cán bộ khoa học này. Quan trọng ở đây là

- thứ nhất, việc đạt được mục tiêu dự án tổng thể không mâu thuẫn với các mục tiêu nghề nghiệp cá nhân của các cán bộ tham gia (xem KUSTER...2011, trang 190) và
- thứ hai, phải có một môi trường truyền thông thích hợp, hướng đến kết quả trong tất cả các cán bộ (xem ebd.). Điều này bao gồm trao đổi chuyên môn, thống nhất lợi ích riêng lẻ với lợi ích tổng thể của dự án và xây dựng các chiến lược giải quyết vấn đề chung, đặc biệt là trong quá trình xây dựng các chỉ số (xem Chương 3.2).

Trách nhiệm của lãnh đạo dự án tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề là phải đảm bảo điều kiện này. Cán bộ quản lý này phải thống nhất cơ cấu dự án khá linh hoạt và định hướng giải quyết vấn đề, liên quan đến nhiều lĩnh vực và dựa vào các quan hệ hợp tác nội bộ cũng như bên ngoài Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề với cơ cấu theo chiều dọc khá cứng nhắc của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề và các bộ phận khác của Tổng cục Dạy nghề. Lãnh đạo dự án phải có khả năng xây dựng đội dự án thành một nhóm làm việc năng suất và hiệu quả, bằng cách họ

- đạt được các thỏa thuận ràng buộc (điều này bao gồm xác định mục tiêu thành phần và làm rõ trách nhiệm, nghĩa vụ),
- đảm bảo tính minh bạch cần thiết trong thông tin, truyền thông và điều phối,
- đưa ra các quyết định rõ ràng trong tình huống có vấn đề và phổ biến minh bạch những quyết định này đến đội dự án và
- điều phối, hỗ trợ quá trình phát triển con người (xem ebd., trang 190 trở đi).

Các khuyến nghị cho Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề

- Đặc biệt, trong quá trình xây dựng các chỉ số và khi soạn thảo báo cáo, tất cả các nhóm công tác tham gia lập báo cáo phải hợp tác chặt chẽ với nhau.
- Cần phải tiếp tục tăng cường trao đổi thông tin liên tục và minh bạch giữa các nhóm công tác, các bộ phận chuyên môn của Tổng cục Dạy nghề cũng như các tổ chức thu thập dữ liệu khác.
- Cần tiếp tục ưu tiên phát triển con người (xem Chương 2.2).

Nhiệm vụ 4: Thể chế hóa quy định/Quản lý tri thức

Để có thể đảm bảo việc xử lý dữ liệu theo đúng tốc độ cần thiết và cho phép truyền thông minh bạch, mang tính xây dựng trong và giữa các nhóm công tác, cần phải xây dựng một **ngân hàng dữ liệu** cho các dữ liệu của từng nhóm công tác **có quyền truy cập minh bạch**. Minh bạch trong tương quan này có nghĩa là các nhóm công tác biết nơi lưu trữ dữ liệu, có thể truy cập vào các dữ liệu này khi có nhu cầu cũng như làm rõ trách nhiệm quản trị và duy trì dữ liệu. Để tránh các rào cản, cần phải sử dụng một phần mềm phổ biến và dễ xử lý. Do trong quá trình lập báo cáo dạy nghề Việt Nam chủ yếu liên quan đến các dữ liệu định lượng nên có thể sử dụng phần mềm MS-Excel và chương trình thống kê *IBM SPSS Statistics* hoặc *STATA*^{*} để phân tích thống kê chi tiết.

Mỗi phòng ban cần thiết lập các **mẫu dữ liệu có cấu trúc rõ ràng** cho lĩnh vực chuyên môn của mình. Trong các

mẫu dữ liệu này phải tích hợp các **bảng mã**, để sau đó có thể gán các mã định trước cho các dữ liệu mà không gặp sai sót. Ngoài ra, các bảng mã này cũng cần thiết để cho phép cán bộ mới hoặc cả cán bộ của các nhóm dự án khác có thể hiểu được các mẫu dữ liệu nhanh chóng và chính xác. Sẽ rất hữu ích khi sử dụng các mẫu sẵn có như mẫu của khảo sát doanh nghiệp. Các mẫu này đã được xây dựng cùng với Viện Nghiên cứu kinh tế RWI và Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề theo yêu cầu của Tổng cục Dạy nghề/Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) – *Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề tại Việt Nam* và được thí điểm hợp tác với các cơ sở đào tạo nghề trong khuôn khổ chương trình này và sau đó được ứng dụng trong dự án của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) „*Phát triển kỹ năng*“. Tiếp theo cần xây dựng các cuốn sổ tay hướng dẫn sử dụng để xử lý cơ sở dữ liệu nhanh chóng và chính xác.

Các khuyến nghị cho Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề

- Tất cả các nhóm công tác tham gia vào lập báo cáo cần xây dựng và liên tục duy trì cơ sở dữ liệu có quyền truy cập minh bạch đối với những dữ liệu của riêng họ.
- Những cơ sở dữ liệu này phải dựa trên phần mềm phổ biến và dễ dàng xử lý (ví dụ như MS Excel).
- Cần tạo ra các bảng mã để hiểu tốt hơn.
- Cần liên kết các cán bộ mới một cách có hệ thống (ví dụ như bằng các sổ tay hướng dẫn sử dụng và bảng mã)

2.2 Các điều kiện trình độ chuyên môn

Việc lập các báo cáo dạy nghề đòi hỏi các cán bộ khoa học có năng lực và trình độ chuyên môn nhất định. Những cán bộ khoa học này cần đáp ứng yêu cầu sau đây:

- **Kinh nghiệm và kiến thức phương pháp nghiên cứu chuyên sâu:** đặc biệt là các kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm chuyên môn trong **xây dựng các chỉ số, phân tích, xử lý và hệ thống hóa dữ liệu (chủ yếu là thống kê)**, để rút ra các kết luận phù hợp,
- Kinh nghiệm trong **tiếp cận với phần mềm cần sử dụng**,
- Kinh nghiệm **trình bày**,
- Kinh nghiệm **xây dựng văn bản**
- Kinh nghiệm **với các phương pháp quản lý dự án**,
- **Kiến thức tiếng Anh** để thực hiện nghiên cứu trong bối cảnh quốc tế và bảo đảm khả năng tương thích quốc tế của các chỉ số được sử dụng

- **Kiến thức chuyên sâu** và kinh nghiệm trong từng bối cảnh cần xử lý.

Ngoài ra, lãnh đạo dự án cần có kiến thức và kinh nghiệm tốt trong quản lý dự án.

Do xây dựng các chỉ số cho lập báo cáo dạy nghề là chủ đề trọng tâm nên rất cần ưu tiên đến chủ đề này trong quá trình đào tạo trình độ chuyên môn (xem thêm Xây dựng các chỉ số ở Chương 3). Nếu cán bộ khoa học có những điểm yếu nào so với yêu cầu thì cần phải tiến hành bồi dưỡng nâng cao theo nhu cầu. Liên quan đến trình bày báo cáo, trong quá trình tư vấn khuyến nghị phải sử dụng một đến hai cán bộ đã có kiến thức và kinh nghiệm phù hợp, chuyên biệt trong lĩnh vực này hoặc thuê một nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài đảm nhận phần trình bày báo cáo.

Khuyến nghị cho Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề

- Các cán bộ khoa học tham gia lập báo cáo dạy nghề phải đáp ứng được những yêu cầu như đã trình bày.
- Nếu cán bộ khoa học có những điểm yếu nào so với yêu cầu thì cần phải tiến hành bồi dưỡng nâng cao theo nhu cầu.

2.3 Sự tham gia của các bên liên quan

Việc tham vấn liên tục với các đối tác xã hội là điều kiện cần thiết để xác định nhu cầu thông tin cho các quyết định chính sách dạy nghề. Do đó, cần thực hiện sớm và duy trì liên tục các tham vấn này, tức là dù thực hiện trong quá trình xây dựng các chỉ số, sau đó vẫn cần tiếp tục duy trì trong quá trình điều chỉnh các chỉ số và phát triển chất lượng các báo cáo.

Khi lập các báo cáo dạy nghề năm 2011 và 2012, mặc dù đã có thực hiện tham vấn nhu cầu thông tin và trao đổi chuyên môn giữa Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề / Tổng cục Dạy nghề và các bên liên quan khác của ngành dạy nghề, tuy nhiên vẫn chưa thường xuyên và chưa được mở rộng. Điều này liên quan đến vấn đề đã đề cập là cho tới nay không có đội dự án bên ngoài nào tiếp nhận công việc của mình (xem Trang 17).

Các khuyến nghị cho Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề

- Việc tham vấn các nhu cầu thông tin của các đối tác xã hội là vô cùng cần thiết để thiết lập báo cáo dạy nghề.
- Khuyến nghị tăng cường tham vấn và trao đổi chuyên môn với các bên liên quan khác của hệ thống dạy nghề thông qua xây dựng một đội dự án bên ngoài.

3 Yêu cầu về một hệ thống chỉ số cho các báo cáo dạy nghề

Xây dựng các chỉ số là chủ đề trọng tâm để triển khai một hệ thống giám sát và báo cáo bền vững trong dạy nghề của Việt Nam: Nó trợ giúp việc ra các quyết định chính sách dạy nghề trên cơ sở dữ liệu cập nhật, tin cậy và phù hợp để có thể phản ứng với các phát triển dự đoán. Tính tin cậy và phù hợp của dữ liệu chỉ có thể được bảo đảm nếu các dữ liệu dựa trên các chỉ số quản lý được xác định rõ ràng và có thể so sánh quốc tế. Khung chỉ số là „cốt lõi“ của lập báo cáo dạy nghề.

Khả năng xây dựng các chỉ số định hướng theo nhu cầu thông tin, các đặc điểm yêu cầu chuyên môn, ngoài các trọng điểm chuyên môn riêng, là một khả năng bao quát mà các cán bộ khoa học tham gia lập báo cáo cần phải có. Do đó, việc đào tạo trình độ chuyên môn cho các cán bộ khoa học của Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề về chủ đề này là một trọng tâm tư vấn. Trong đó, những khả năng cần có được củng cố và chuyên sâu bằng Hướng dẫn này. Trong Chương 3.1 sẽ trình bày về các cơ sở chung, tức là phụ thuộc vào bối cảnh để xây dựng các chỉ số và giải thích dựa trên các ví dụ từ báo cáo dữ liệu lập báo cáo dạy nghề của Đức, từ báo cáo dạy nghề Việt Nam năm 2012 và từ một nghiên cứu của Tổng cục Dạy nghề và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) (xem TỔNG CỤC DẠY NGHỀ/ TỔ CHỨC HỢP TÁC QUỐC TẾ ĐỨC (GIZ) NĂM 2014), thế nào là một „chỉ số tốt“, các chỉ số có chức năng gì và có những loại chỉ số nào. Trong đó, ưu tiên dựa trên các ví dụ từ báo cáo dữ liệu, tức là bối cảnh của Đức, để đạt một hiệu quả được công nhận, do các ví dụ này được sử dụng để giải thích trong các giải pháp đào tạo trình độ chuyên môn. Ngoài ra, dựa trên các ví dụ của Đức, tính

phụ thuộc bối cảnh của các chỉ số chứng tỏ và cho thấy rằng Việt Nam phải xây dựng các chỉ số thích nghi với bối cảnh riêng.

Tiếp theo, trong một chuyến khảo sát đã thảo luận về các loại thang đo khác nhau và xem xét các cấp thang đo khác nhau của các chỉ số. Cuối cùng đã thảo luận về việc thu thập và đánh giá cũng như các tiêu chí chất lượng của các chỉ số. Chương 3.2 mô tả từng bước cụ thể trong quá trình xây dựng các chỉ số. Chương 3.3 đi vào phân tích khả năng so sánh của các chỉ số và Chương 3.4 thảo luận về các mô hình chất lượng và tác động của dạy nghề.

3.1 Cơ sở xây dựng các chỉ số

Khái niệm *chỉ số* (tiếng La Tinh *indicare*) có nghĩa là *chỉ báo* và được dịch là *chỉ số*. Do đó, chỉ số có chức năng chỉ dẫn đến một sự việc hoặc đối tượng không trực tiếp rõ ràng cho người quan sát (xem MEYER 2007, trang 196 trở đi; MEYER/THOMAS 2012, trang 15). Ví dụ như, „*tỉ lệ nhập học tính toán*“ trong giám sát đào tạo nghề của Đức (xem ULRICH 2012, trang 72 trở đi) thể hiện tỉ lệ của những học sinh bắt đầu chương trình dạy nghề kép trên tất cả các học sinh tốt nghiệp các trường phổ thông hàng năm (bậc phổ thông). Theo đó, chỉ số này thể hiện *các luồng giáo dục* ở Đức và có thể đánh giá được các khía cạnh nhất định của đối tượng này. Ví dụ như, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp các trường phổ thông, bắt đầu chương trình dạy nghề trong hệ thống kép của Đức có thể so sánh với tỉ lệ học sinh tốt nghiệp bậc phổ thông, bắt đầu học đại học. Trên cơ sở so sánh này có thể đưa ra các quyết định quản lý chính sách

giáo dục. Một chỉ số „tốt“ cung cấp các kết quả có thể so sánh, cho phép phát hiện chính xác các vấn đề phức tạp (xem MEYER/THOMAS 2012, trang 15). Trong đó, „tốt“ ngụ ý sự thích ứng với bối cảnh cụ thể của quốc gia.

Chức năng của các chỉ số

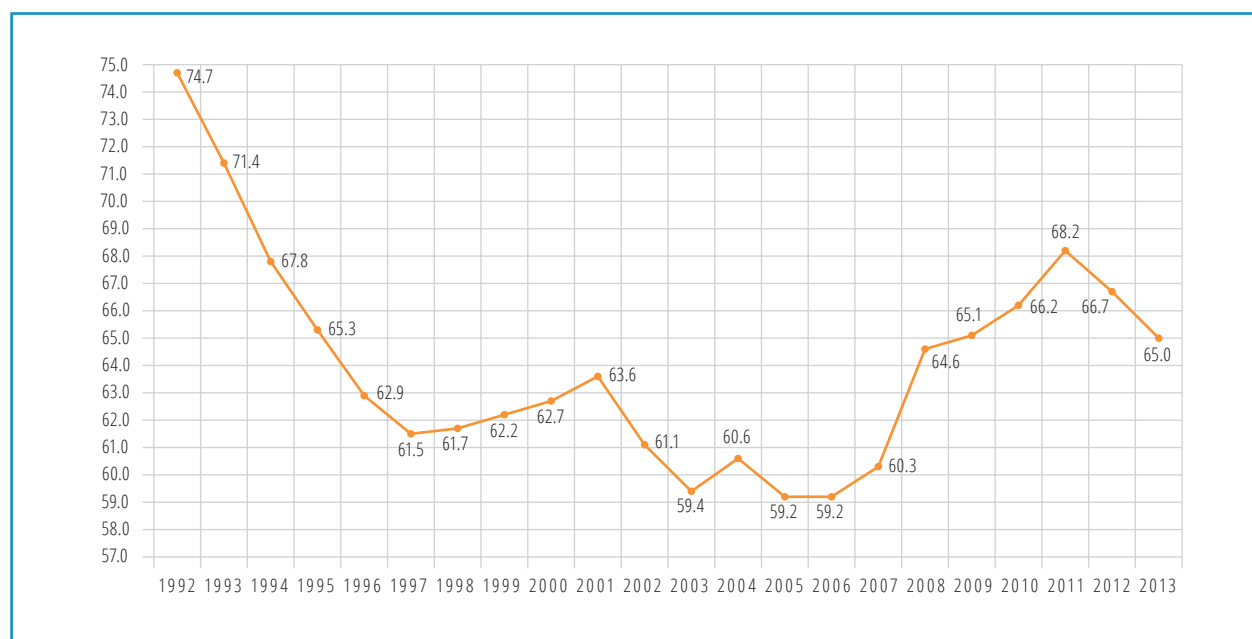
Các chỉ số là các công cụ so sánh. Tức là, các chỉ số cho phép so sánh, từ đó chỉ ra các điểm chung hoặc khác biệt của các đối tượng liên quan thực tế (ví dụ như tình hình việc làm của học viên tốt nghiệp các chương trình dạy nghề) trên một thang so sánh chung (thang đo) có tối thiểu hai đặc điểm khác nhau. Những đặc điểm này chính là giá trị thang đo (đã định nghĩa ở trước). Trên cơ sở những so sánh này có thể phân loại các quan sát của sự việc được điều tra. Cả những hiện tượng không được quan sát trực tiếp cũng có thể được đánh giá (xem MEYER 2004, trang 12 trở đi). Trọng tâm trong lập báo cáo dạy nghề là (xem. ebd., trang 9 trở đi)

1. So sánh các giá trị hiện tại đạt được với các giá trị mục tiêu đã xác định trước/ex-ante (quan điểm đạt được mục tiêu). Trong báo cáo dữ liệu của Đức, giá

trị thực tế được so sánh với mục tiêu về *số lượng giáo viên dạy nghề* nhất định vào thời điểm được xác định trong một loại hình trường học nhất định (hoặc một lĩnh vực chuyên môn, giới tính...). Quan điểm đạt được mục tiêu đặc biệt quan trọng, do các báo cáo dạy nghề của Việt Nam phải báo cáo về việc đạt được các mục tiêu đề ra trong chiến lược dạy nghề của Việt Nam năm 2011-2020 (xem NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 2012) thông qua giám sát.

2. Tiếp theo, các giá trị hiện tại đạt được sẽ được so sánh với **các giá trị đã thu thập trước đó (khía cạnh xu hướng/phát triển)**. Trong báo cáo dữ liệu của Đức, *số lượng giáo viên dạy nghề* trong một loại hình trường học nhất định trong năm 2013 được so sánh với năm 2014 và đánh giá sự tăng hay giảm suy ra từ so sánh này. Sự trình bày những so sánh xu hướng hoặc phân tích xu hướng này được giới thiệu trong các hình 6 và 7 dựa trên một ví dụ đơn giản, *tỉ lệ nhập học tính toán* đã đề cập trong lập báo cáo dạy nghề của Đức.

Hình 6: Sự phát triển tỉ lệ nhập học trong đào tạo nghề kép toàn nước Đức kể từ năm 1992, tính bằng tỉ lệ %

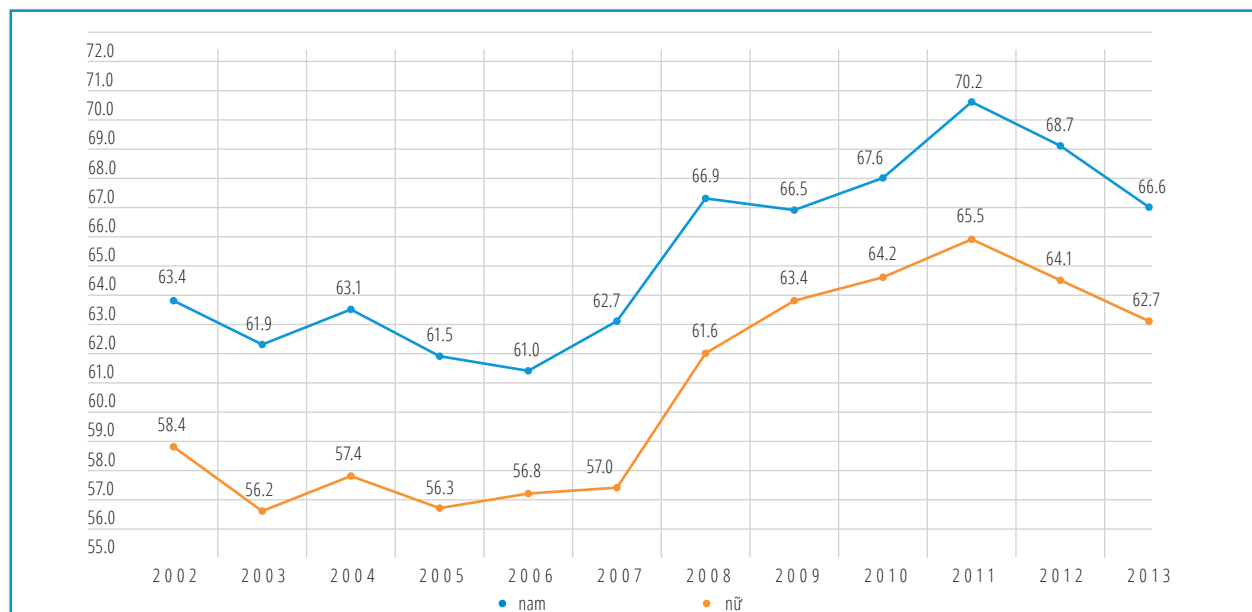


Khảo sát của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức về các hợp đồng đào tạo được ký kết mới tại thời điểm 30/09; thống kê thị trường đào tạo của Cơ quan Lao động Liên bang tại thời điểm 30/09; các tính toán của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức.
(Nguồn: Báo cáo dữ liệu của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức năm 2014, trang 28)

Hình 6 cho thấy sự phát triển của tỉ lệ người quan tâm đến đào tạo từ năm 1992 đến 2013, những người bắt đầu tham gia vào chương trình dạy nghề kép cho đến ngày báo cáo 30/09. Rõ ràng, năm 1992 tỉ lệ người bắt đầu chương trình dạy nghề kép đạt mức rất cao 74.7%, đến năm 1997 giảm rõ rệt xuống 61.5% và đến năm 2011 lại tăng lên 68.2%. Tùy thuộc vào nhu cầu thông tin, các chỉ số này vẫn cần được khác biệt hóa dựa trên các đặc điểm liên quan. Ví dụ như ở Đức,

xu hướng tỉ lệ tuyển sinh từ năm 2002 trên cơ sở tiêu chí *Giới tính* được thu thập khác biệt (xem hình 7). Sự khác biệt này cho thấy rằng tỉ lệ nữ trẻ tuổi bắt đầu học nghề kép thấp hơn nhiều so với tỉ lệ nam trẻ tuổi. Theo đó, điều này có thể giải thích rằng nữ giới trẻ tuổi thường quyết định học các nghề dịch vụ với các khóa đào tạo toàn thời gian hơn là các khóa đào tạo nghề kép (xem ebd., trang 29).

Hình 7: Sự phát triển tỉ lệ nhập học trong đào tạo nghề kép từ năm 1992 phân theo giới tính trên toàn nước Đức bằng tỉ lệ %

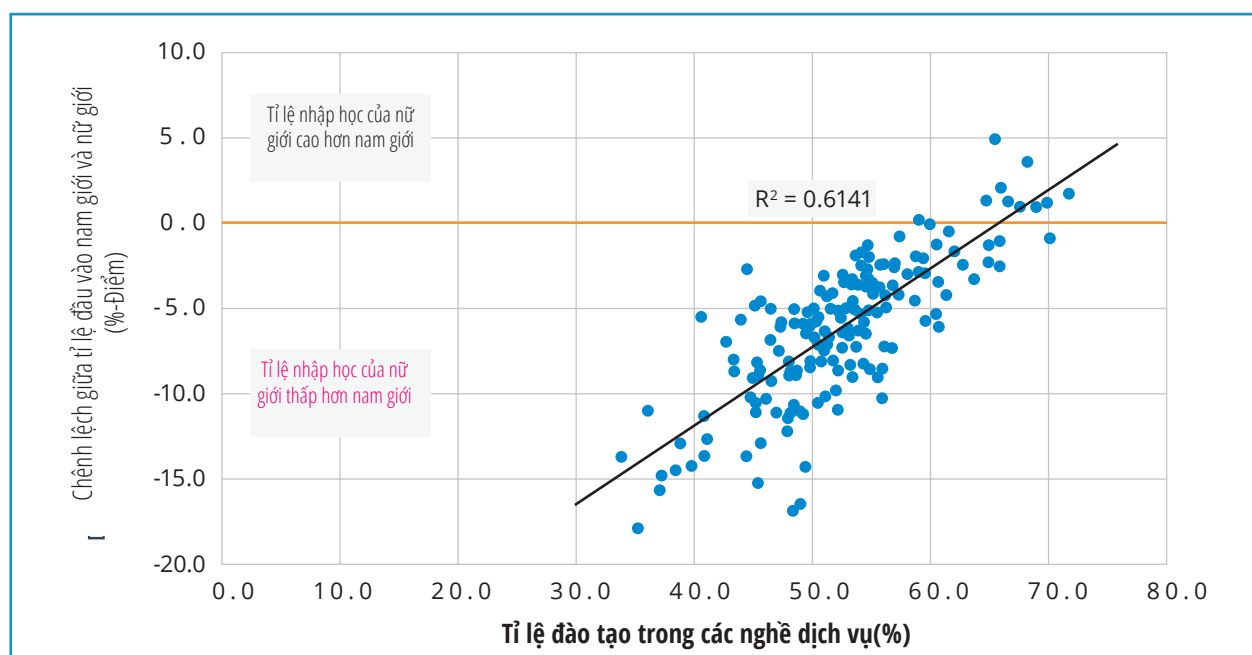


Khảo sát của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức về các hợp đồng đào tạo được ký kết mới tại thời điểm 30/09; thống kê thị trường đào tạo của Cơ quan Lao động Liên bang tại thời điểm 30/09; các tính toán của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức.

Nguồn: Báo cáo dữ liệu của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức năm 2014, trang 28

3. Các giá trị hiện tại đạt được, được so sánh với các giá trị ngưỡng quan trọng (quan điểm giá trị ngưỡng) (ví dụ so sánh giá trị hiện tại với một *số lượng tối thiểu giáo viên dạy nghề* xác định trong một loại hình trường học nhất định, hoặc là với việc đạt được một *số lượng học viên xin học nghề* (quan trọng), để ngăn chặn tình trạng thiếu lao động chuyên môn).
4. Cuối cùng, các giá trị hiện tại đạt được được so sánh với các kết quả của các đơn vị quan sát khác (khía cạnh cân đối) (ví dụ như so sánh giá trị hiện tại về *trình độ chuyên môn của cán bộ giảng dạy* trong hệ thống dạy nghề của các quốc gia và khu vực khác nhau). Tuy nhiên cũng có thể phân tích các mối tương quan giữa nhiều đơn vị quan sát, như trong báo cáo dữ liệu của Đức, tương quan giữa *lựa chọn nghề* và *giới tính* trên cơ sở *tỉ lệ nhập học tính toán* đã trình bày (xem Hình 8).

Hình 8: Độ lệch trong tỉ lệ nhập học theo Giới tính xuất phát từ các tỉ lệ đào tạo cao khác nhau trong các nghề dịch vụ (n=176 khu vực)



Trong hình là các giá trị đo lường theo cặp trong n=176 khu vực (trục x: tỉ lệ đào tạo trong các nghề dịch vụ; trục y: Chênh lệch tính toán giữa tỉ lệ nữ và nam giới quan tâm đến đào tạo nghề). Đường hồi quy xác định gạch ngang chấm chấm. R2 là hệ số xác định và thể hiện độ lớn mối quan hệ.

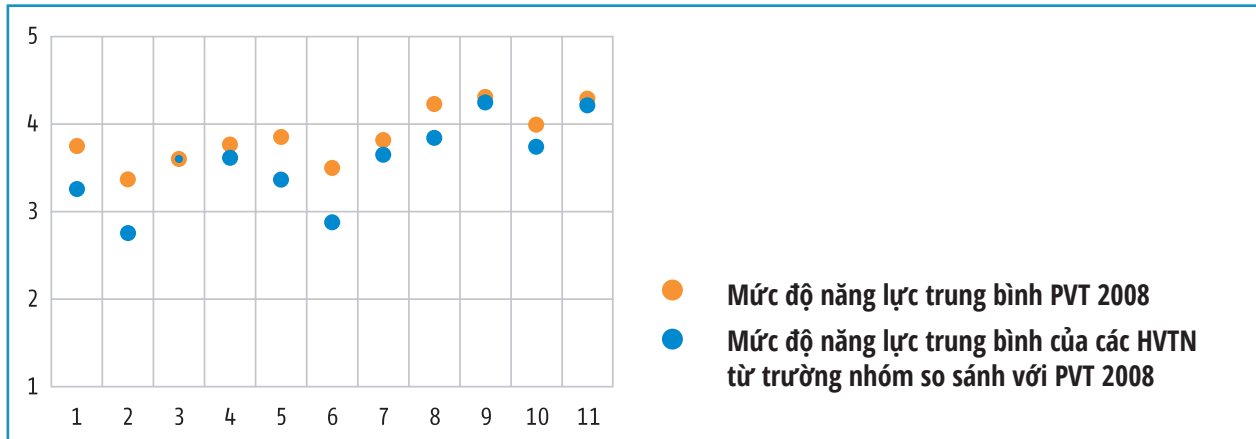
Nguồn: Khảo sát của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức về các hợp đồng đào tạo được ký kết mới tại thời điểm 30/09; thống kê thị trường đào tạo của Cơ quan Lao động Liên bang; các tính toán của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức. Báo cáo dữ liệu của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức năm 2013, trang 28

Hình 8 cho thấy rằng sở thích lựa chọn nghề nghiệp khác nhau (nữ trẻ tuổi thường quyết định học các nghề dịch vụ không theo chương trình đào tạo nghề kép hơn nam giới) phần lớn giải thích cho sự chênh lệch giữa các tỉ lệ nhập học giữa nữ giới và nam giới trẻ tuổi.

Một ví dụ nữa là sự so sánh các nhóm đối chứng, so sánh về *trình độ năng lực* hoặc *tình hình việc làm* của học viên tốt nghiệp các cơ sở dạy nghề của các khu vực hoặc nhà tài trợ khác nhau. Trong các khảo sát doanh nghiệp của Tổng cục Dạy nghề/Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ)

– *Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề tại Việt Nam*, trình độ năng lực của học viên tốt nghiệp các trường được hợp phần *Chương trình Đào tạo nghề 2008 (PTV 2008)* hỗ trợ được so sánh với trình độ năng lực của học viên tốt nghiệp các trường đối chứng không được hỗ trợ. Các so sánh được thực hiện ở mảng *Kiến thức chuyên môn lý thuyết nghề*. Hình 9 cho thấy rằng trình độ năng lực của học viên tốt nghiệp các trường được PTV 2008 hỗ trợ khá hơn trình độ năng lực của các trường đối chứng.

Hình 9: So sánh các nhóm đối chứng của các cơ sở dạy nghề được hỗ trợ và không được hỗ trợ tại Việt Nam



Nguồn: Xem TỔNG CỤC DẠY NGHỀ/TỔ CHỨC HỢP TÁC QUỐC TẾ ĐỨC (GIZ) NĂM 2014

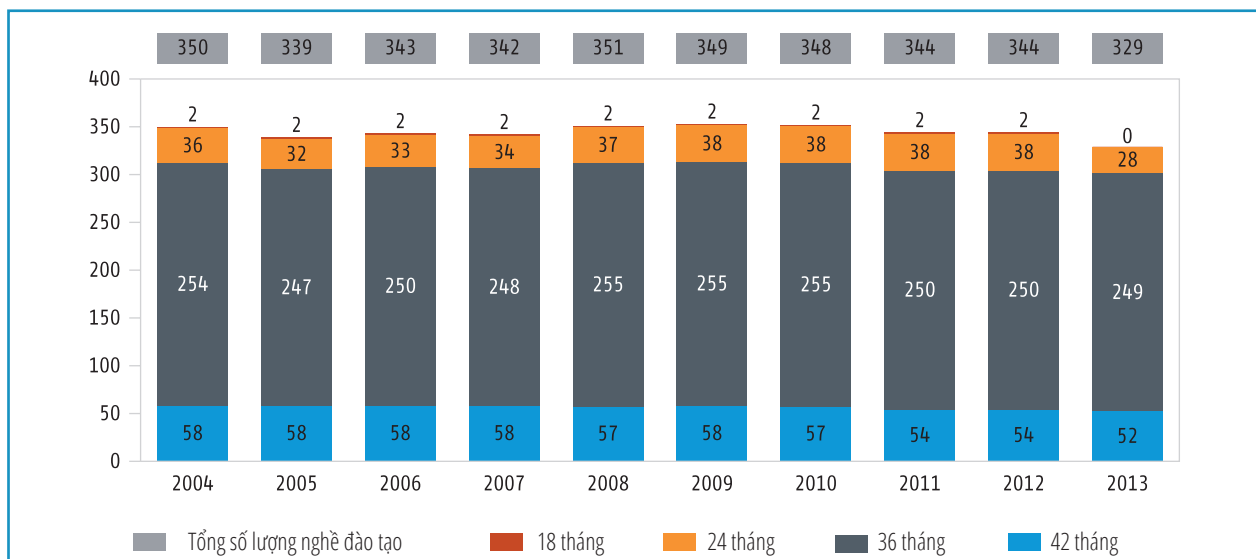
Các chỉ số đơn giản so với các chỉ số tổng hợp

Các chỉ số có thể là các con số đơn giản; cũng có thể nhiều chỉ số đơn lẻ được tóm gọn lại thành một chỉ số.

Các chỉ số đơn giản: Các chỉ số đơn lẻ thường gặp trong giám sát dạy nghề ở Đức như *số lượng học viên tốt nghiệp các khóa đào tạo nhất định, số lượng những người mới bắt đầu học nghề* hoặc *số lượng giáo viên trong các khóa đào tạo này*. Chỉ số đơn lẻ này trở thành chỉ số (và khác với một con số đơn giản sử dụng hàng ngày), bằng cách

- được xác định là quy mô tham khảo, ví dụ như số lượng các cơ sở dạy nghề cần quan sát và số lượng các khóa đào tạo,
 - gán một thời hạn thu thập cho chỉ số đó,
 - đưa ra nguồn dữ liệu và
 - xác định một thông điệp cốt lõi và phạm vi hiệu lực của nó
- Là một ví dụ về chỉ số đơn giản, trong hình 10 giới thiệu số lượng ngành nghề đào tạo được nhà nước công nhận ở Đức theo Luật dạy nghề hoặc Luật nghề thủ công, khác biệt theo tiêu chí thời gian đào tạo:

Hình 10: Số lượng nghề đào tạo theo thời gian đào tạo (2004 - 2013)



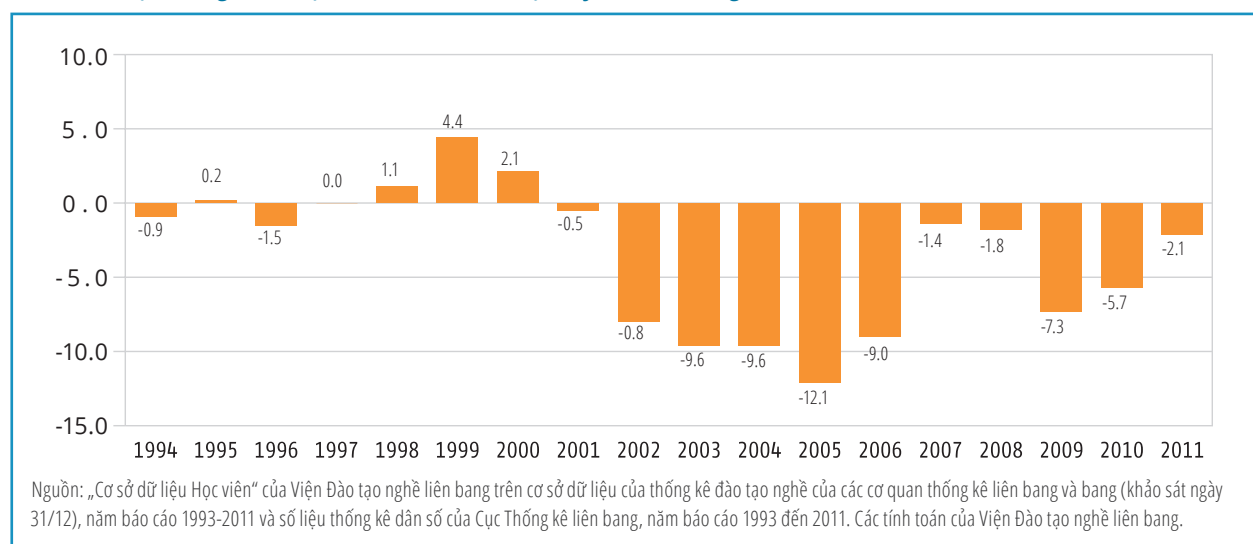
Nguồn: Báo cáo dữ liệu của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức 2014, trang 99

Hình 10 cho thấy các chỉ số không phải là những tỉ lệ phức tạp, làm rõ các tỉ lệ khác nhau cũng như các mối tương quan. Các chỉ số cũng có thể chỉ là số lượng một đối tượng được xác định chính xác – như trong trường hợp này là nghề đào tạo được nhà nước công nhận, được thu thập vào một ngày xác định.

Các chỉ số tổng hợp: Các chỉ số tổng hợp còn được gọi là các **chỉ số** (số ít: **chỉ số**). Một chỉ số tổng hợp có thể là một con số tỉ lệ thể hiện mối quan hệ giữa quy mô quan tâm với quy mô cơ bản (xem BORTZ/DÖRING 2006, trang 729). Loại chỉ số tổng hợp này còn được gọi là **tỉ lệ**, như ví dụ về

tỉ lệ nhập học tính toán từ bối cảnh của Đức được thể hiện dựa trên nhiều hình minh họa bên trên. Một ví dụ khác trong giám sát dạy nghề ở Đức là *tỉ lệ tham gia đào tạo*, khi tính toán tỉ lệ này như quy mô quan tâm (tử số) *số lượng học viên mới có hợp đồng đào tạo ký kết* (theo độ tuổi) được đặt trong mối tương quan với quy mô cơ bản (mẫu số) của *số lượng dân cư sinh sống* (khác biệt theo độ tuổi) (xem Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức 2012, trang 141 trở đi). Hình 11 thể hiện sự thay đổi *tỉ lệ tham gia đào tạo* tại Đức theo xu hướng từ năm 1994 -2011.

Hình 11: Tỉ lệ tham gia đào tạo từ 1994–2011: Tỉ lệ thay đổi tính bằng %



Nguồn: Báo cáo dữ liệu của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức 2013, trang 161

Nếu một chỉ số tổng hợp được sử dụng như trong Hình 11, thì cũng cần định nghĩa minh bạch chỉ số đó trong báo cáo, như trường hợp ví dụ trong báo cáo dữ liệu của Đức (xem Hình 12). Ở đó để cập đến thông điệp cốt lõi của chỉ số, quy mô tham chiếu và công thức tính toán. Nếu các chỉ số cần phải điều chỉnh trong quá trình phát triển chất lượng thì phải làm rõ và minh bạch các thay đổi bằng các cách trình bày này. Ví dụ như năm 2012 *tỉ lệ tham gia đào tạo*

(xem Hình 11 và 12) trong lập báo cáo dạy nghề của Đức đã được điều chỉnh. Hậu quả là, trong hình 11 chỉ đưa ra xu hướng từ năm 1994 -2011 và không tiếp tục thực hiện. Việc tiếp tục xu hướng qua năm 2011 trở đi bằng tỉ lệ theo định nghĩa mới không được phép thực hiện. Định nghĩa tỉ lệ được trích dẫn như được thu thập cho đến năm 2011 (xem Công thức trong Hình 12). Ngoài ra, các tỉ lệ xây dựng mới được trình bày dưới cùng hình thức.

Hình 12: Giới thiệu định nghĩa tỉ lệ tham gia đào tạo

Trong khi chờ sửa đổi các số liệu thống kê về Dạy nghề, những số liệu thống kê có thể sử dụng được chỉ là số liệu về những hợp đồng Đào tạo mới hoặc một phần của những hợp đồng mới mà thôi (xem . tài liệu Báo cáo năm 2009 BIBB, mục A5.7). Do đưa ra tỷ lệ về Đào tạo nghề ban đầu có thể đo được chính xác con số bắt đầu tham gia đào tạo, thông qua việc đếm lại nhiều lần vẫn có thể bỏ sót, chỉ số tham gia đào tạo rất phù hợp cho việc so sánh trong khoảng thời gian dài hạn. Con số tỷ lệ tham gia đào tạo đại diện được tính trên các đối tượng tham gia đào tạo đã ký hợp đồng đào tạo không dựa theo độ tuổi. Con số thanh niên ký hợp đồng đào tạo mới được đối chiếu với chỉ số dân cư (Uhly/Gericke 2010; so sánh chỉ số Đào tạo theo Gericke/Uhly 2012)

$$AQ = \sum_{i=16}^{24} \frac{\text{Học sinh mới ký hợp đồng học nghề}}{\text{Số dân cư}} \times 100$$

*i = tuổi**

* Học sinh học mới ký hợp đồng học nghề trong độ tuổi „16 và trẻ hơn“ sẽ được gộp vào nhóm tuổi dưới, những đối tượng ở độ tuổi „24 và nhiều hơn“ được gộp vào nhóm trên.

Nguồn: Báo cáo Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức 2013, trang 162

Ngoài ra, một chỉ số cũng có thể là một tập hợp nhiều chỉ số đơn lẻ cho một giá trị tổng, đại diện cho một đặc điểm phức hợp. Trong đó các thành phần của đặc điểm phức hợp đó có thể có tỉ trọng giống hoặc khác nhau (xem BORTZ/DÖRING 2006, trang 729). Những giá trị chỉ số này có thể được xác định khi đánh giá các năng lực nhất định của học viên hoặc học viên tốt nghiệp học nghề, bằng cách tập hợp các năng lực đơn lẻ đã thu thập (theo quy trình kiểm tra tính hợp lệ chính xác) thành các lĩnh vực năng lực lớn hơn (xem RAUNER 2010, trang 26; TỔNG CỤC DẠY NGHỀ/TỔ CHỨC HỢP TÁC QUỐC TẾ ĐỨC (GIZ) 2014).

Mức độ đo lường khác nhau của các chỉ số

Điều kiện cần để xây dựng một chỉ số là „khả năng ấn định rõ ràng một đặc điểm đối tượng vào một giá trị đo lường nhất định“ (MEYER 2004, trang 13). Các chỉ số cho phép so sánh những điểm giống và khác nhau của đối tượng liên quan thực tế trên một thang so sánh chung (thang đo) có tối thiểu 2 đặc điểm khác nhau (giá trị thang đo). Trong đó cần lưu ý rằng chỉ có thể so sánh các giá trị thang đo cùng loại thang đo và chỉ có thể hình thành các chỉ tổng hợp từ các chỉ số riêng lẻ cùng loại thang đo.

Các loại thang đo

Để mô tả chi tiết hơn cách thực hiện các so sánh này trong thực tiễn, dưới đây sẽ trình bày về các loại thang đo khác nhau có thể được sử dụng khi định nghĩa các chỉ số (xem BORTZ/DÖRING 2006, trang 741; MEYER 2007, trang 206 trở đi).

Thang đo danh nghĩa: Thang đo danh nghĩa có mức độ đo lường thấp và phân loại các đặc điểm, thuộc tính định tính. Các ví dụ điển hình như *Giới tính, tôn giáo, nơi sinh hoặc nghề nghiệp*. Ở các thang đo danh nghĩa, người ta phân tích các đặc điểm, thuộc tính khác nhau. Chúng có thể được tính theo phương pháp định lượng đơn giản (phân tích tần suất) hoặc phân tích theo phương pháp định tính (ví dụ như phân tích diễn giải, loại đào tạo theo tiêu chí trong phân tích định tính, xem MAYRING 2010). Việc áp dụng các phân tích định lượng, như tính toán *trung bình* hoặc *trung bình cộng*, không khả thi ở loại thang đo này. Đo tình hình có thể sử dụng giá trị phổ biến nhất, còn gọi là *tần suất* hoặc *giá trị tần suất*.

Thang đo thứ tự: Khác với thang đo danh nghĩa, thang đo thứ tự cho phép thiết lập một hệ thống phân cấp (tốt hơn/xấu hơn, lớn hơn/nhỏ hơn...) bằng các giá trị phân cấp. Thang đo này được sử dụng rất phổ biến trong điều tra các công việc hoặc sự hài lòng của các nhóm người dân khác nhau, đặc biệt là *Thang Likert 5 bậc*. Các ví dụ điển hình trong dạy nghề ngoài *Điểm học* (Thang 1-6) như đánh giá *sự phù hợp của đào tạo hoặc bồi dưỡng nâng cao* hoặc *sự hài lòng với tài liệu giảng dạy và học tập* trong các đánh giá của các nhóm đối tượng (đối chiếu Nghiên cứu lần vết học viên tốt nghiệp của Tổng cục Dạy nghề - Tổ chức Hợp tác

Quốc tế Đức (GIZ) – *Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề tại Việt Nam*, Horn 2014a, trang 28; RWI 2014, trang 22). Bên cạnh các phân tích tần suất đơn giản, có thể tính giá trị phương thức hoặc phương thức mô hình làm bằng các phân tích thống kê. Việc tính toán giá trị trung bình cộng không được phép thực hiện ở loại thang đo này.

Thang đo khoảng (thang đo đếm): Thang đo khoảng hay thang đo đếm¹ đánh giá các đặc điểm định lượng. Các giá trị này cho phép thực hiện hầu hết các tính toán và so sánh thống kê. Nó không chỉ đánh giá tần suất hoặc phân hạng, mà còn cả giá trị trung bình cộng („trung bình“). Các ví dụ điển hình của thang đo khoảng như *độ tuổi* và *mức thu nhập*. Tuy nhiên, không phải tất cả các thang đo số đều tự động là các thang đo khoảng – chẳng hạn như các số điện thoại, mặc dù là số nhưng lại chỉ là một đặc điểm danh nghĩa. Do đó sẽ vô nghĩa khi tính toán từ một danh sách điện thoại.

Phân tích và thu thập các số liệu chỉ số

Các chỉ số được gắn với các loại thang đo khác nhau, từng loại thang đo sẽ quy định chi tiết các loại hình thu thập và đánh giá dữ liệu khác nhau. Về cơ bản ở đây phân biệt giữa phương pháp định tính và định lượng, trong đó khuyến khích kết hợp cả hai loại (phép tam giác phân). Khi phân tích các dữ liệu thứ cấp cần xem xét xem loại dữ liệu nào phù hợp với phương pháp đánh giá nào. Đối với các điều tra tự xây dựng và thực hiện, ngay trong giai đoạn thiết kế đã đặt ra câu hỏi về phương pháp thích hợp. Câu hỏi này liên quan đến bản thân các chỉ số, do đó ngay từ đầu cần phải suy nghĩ xem làm cách nào có thể thu thập và phân tích các dữ liệu phù hợp cho chỉ số này. Điều này đóng một vai trò quan trọng, trước hết là trong quá trình xây dựng các chỉ số (xem Chương 3.2).

Các tiêu chí chất lượng của các chỉ số

Có rất nhiều các tiêu chí khác nhau để đánh giá chất lượng các chỉ số. Sơ đồ tiêu chí phổ biến nhất bao gồm năm **tiêu chí SMART2**:

- **Cụ thể (Specific):** Các chỉ số phải bao quát chính xác một lĩnh vực nhất định và phải cung cấp các kết quả tin cậy (reliable) cả khi các điều kiện khung thay đổi và trong các lần khảo sát sau đó. Ví dụ, *tỉ lệ tham gia đào tạo* phải được xây dựng làm sao để đối tượng cần trình bày, tức là *tham gia đào tạo*, được thu thập chính xác và cung cấp các kết quả tin cậy cả trong những đợt khảo sát sau đó. Do đó, thông điệp cốt lõi (sự gắn kết giữa chỉ số và đối tượng biểu thị), quy mô quan tâm (tử số), quy mô cơ bản (mẫu số), công thức tính toán và nguồn dữ liệu cũng như thời hạn được xác định rõ

1 Khái niệm này là tập hợp của các khái niệm *Thang đo khoảng* và *thang đo tỉ lệ*.

2 Có các cách dùng khác nhau cho từ viết tắt, ví dụ như *Specific, Measurable, Accepted, Realistic, Timely*. Khi dịch sang tiếng Đức, trong một số trường hợp được đổi thành ý nghĩa của *achievable* (có thể đạt được, thực tiễn) và *relevant* (phù hợp, thích hợp). Từ ngữ đã dùng là loại phổ biến nhất (xem MEYER/THOMAS 2012, trang 17).

cho chỉ số này (xem Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức 2012, trang 88f; Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức 2014, trang 137). Chỉ số chỉ có thể cụ thể khi định nghĩa được những khía cạnh này.

- **Có thể đo lường (Measurable):** Các chỉ số phải có thể thu thập đủ chính xác. Quay lại ví dụ *tỉ lệ tham gia đào tạo*: Khi ứng dụng vào lập báo cáo dạy nghề ở Việt Nam, tỉ lệ này phải được định nghĩa làm sao để có thể thu thập trong thực tiễn. Chẳng hạn, ở Việt Nam không có các hợp đồng đào tạo như hệ thống dạy nghề kép ở Đức. Do đó, việc đo lường được sử dụng trong giám sát dạy nghề ở Đức của tỉ lệ này- *số lượng học viên có hợp đồng đào tạo ký kết mới* (xem Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức 2012, trang 88) phải được định nghĩa lại cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam.
- **Có thể đạt được (Achievable):** Các chỉ số phải tạo ra các kết quả đủ chính xác với chi phí phù hợp và thực tế cho lợi ích dự kiến. Đối với ví dụ *tỉ lệ tham gia đào tạo*, điều đó có nghĩa là tỉ lệ này cần phải được xây dựng làm sao để có thể thích ứng với các dữ liệu thứ cấp hiện có của các tổ chức thu thập dữ liệu khác. Nếu có quá ít dữ liệu thật sự phù hợp với chỉ số này thì phải thích ứng các dữ liệu khác hiện có có thể liên quan gián tiếp, bằng các quy tắc tương ứng thực tế (,bù đắp'). Một cuộc khảo sát riêng biệt cần phải được kiểm tra cẩn trọng về tính thực tiễn của nó, đặc biệt là liên quan đến các chi phí phát sinh và thời gian cần thiết.

- **Phù hợp (Relevant):** Các chỉ số phải cung cấp kết quả có ý nghĩa cho từng lĩnh vực liên quan và hữu ích và được các bên liên quan chấp nhận. Ví dụ *tỉ lệ tham gia đào tạo* minh họa rất tốt cho tiêu chí này: một vấn đề hiện tại ở Việt Nam là thừa sinh viên tốt nghiệp đại học, trong khi thiếu học viên tốt nghiệp học nghề ở các chuyên ngành cụ thể (đối chiếu <http://english.vietnamnet.vn/fms/education/113836/graduates-battle-tough-job-market.html>, Ngày: 11.01.2015). Một tỉ lệ tham gia đào tạo được khảo sát liên tục và thích ứng với các điều kiện khung của Việt Nam, thể hiện một so sánh mang tính hệ thống giữa tham gia đào tạo nghề và đào tạo đại học và ngoài ra thể hiện cả sự phát triển xu hướng liên quan, phải được đánh giá là rất phù hợp trong tình hình hiện tại.
- **Có thời hạn xác định (Timebound):** Ví dụ như, tất cả các chỉ số sử dụng trong lập báo cáo dạy nghề của Đức đều có một thời hạn xác định (xem DIONISIUS/LISSEK/SCHIER 2012; BIBB 2014b).

Năm tiêu chí SMART này chỉ mang tính ví dụ và được đánh giá theo tính phù hợp của chúng, liên quan đến các báo cáo dạy nghề của Việt Nam năm 2011 và 2012. Qua đó sẽ làm rõ các yêu cầu quan trọng nhất đối với một chỉ số và các khía cạnh quan trọng cần lưu ý trong quá trình xây dựng các chỉ số. Bảng 1 bao gồm các ví dụ được lựa chọn về các chỉ số và số liệu được minh họa trong các báo cáo dạy nghề của Việt Nam năm 2011 và 2012.

Bảng 1: Các chủ đề và chỉ số/số liệu của các báo cáo dạy nghề của Việt Nam năm 2011 và 2012

Chủ đề	Các chỉ số/số liệu
Chính sách dạy nghề	- Tổng quan quá trình xây dựng luật trong hệ thống dạy nghề Việt Nam - Số lượng các luật và quy định đã xây dựng
Các cơ sở dạy nghề	- Số lượng các cơ sở dạy nghề theo hình thức trường học
Cán bộ giảng dạy	- Số lượng và trình độ chuyên môn của cán bộ giảng dạy trong hệ thống dạy nghề theo hình thức trường học - Số lượng và trình độ chuyên môn của ban giám hiệu nhà trường theo hình thức trường học
Người bắt đầu học nghề; học viên tốt nghiệp	- Số lượng học viên trong hệ thống dạy nghề theo hình thức trường học - Số lượng học viên tốt nghiệp theo hình thức trường học - Tình hình việc làm của học viên tốt nghiệp các cơ sở dạy nghề được Tổng cục Dạy nghề - Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) – Chương trình Đối mới Đào tạo nghề tại Việt Nam hỗ trợ
Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	- Số lượng và nội dung các quy định pháp lý về trang thiết bị của hệ thống dạy nghề - Số lượng theo loại hình trang thiết bị và hình thức trường học
Tiêu chuẩn năng lực quốc gia	- Tổng quan về xu hướng xây dựng tiêu chuẩn hiện tại - Số lượng các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được xây dựng (national occupational skills standards)
Nguồn lực tài chính/Đầu tư vào hệ thống dạy nghề Việt Nam	- Mức đầu tư hàng năm vào hệ thống dạy nghề bằng VND (phân biệt thành: đầu tư nhà nước, đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài)

Nguồn: Tự minh họa

Về **tính phù hợp** phải bảo đảm rằng các chỉ số đưa ra trong báo cáo phải đáp ứng các nhu cầu thông tin để quản lý ngành dạy nghề. Tức là, các chỉ số phải liên quan đến công tác quản lý và đặc biệt phù hợp với chiến lược dạy nghề 2011-2020 (xem NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 2012).

Các tiêu chí đã lựa chọn phải được đánh giá về tính phù hợp với công tác quản lý, do các tiêu chí này là những đầu vào. Quản lý hiệu quả và hướng theo nhu cầu ngành dạy nghề Việt Nam trên cơ sở các chỉ số này vẫn còn là một vấn đề gây tranh cãi (xem Điểm 3.4).

Đối với câu hỏi xây dựng các chỉ số **cụ thể** đến mức nào, cần phải định nghĩa rõ, ví dụ như đối với chỉ số *Trình độ chuyên môn của cán bộ giảng dạy*, chỉ số dựa trên cơ sở gì (các tiêu chuẩn chuyên môn hiện tại) và cơ sở này có ý nghĩa như thế nào. Tiếp theo phải kiểm tra xem liệu các tiêu chuẩn chuyên môn này có ý nghĩa trong tương lai không, tức là liệu có ý nghĩa khi tham khảo chỉ số này để so sánh xu hướng nhiều năm không.

Các tiêu chí **có thể đo lường** và **có thể đạt được** cần phải được kiểm định đối với các tiêu chí ví dụ hiện tại: Tất cả các chỉ số/số liệu đưa ra trong bảng đều dựa trên các nguồn dữ liệu hiện có và nó thể hiện rằng có thể xử lý và trình bày các dữ liệu trong khoảng thời gian dự kiến. Các chỉ số này có tính phù hợp cao hơn trong quá trình xây dựng các chỉ số tiếp theo. Sau đó cần phải kiểm tra xem những nguồn dữ liệu nào có thể được tham khảo cho những chỉ số mới cần xây dựng và nguồn lực thời gian và nhân sự nào cần thiết để thực hiện thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả.

Cuối cùng phải kiểm tra xem các chỉ số này được **xác định thời hạn** như thế nào. Nếu cần phải trình bày các so sánh xu hướng thì nhất thiết phải bảo đảm rằng các dữ liệu đã sử dụng có cùng thời hạn thu thập.

Dựa trên đánh giá minh họa các chỉ số đã lựa chọn, khuyến nghị kiểm tra các chỉ số đã sử dụng trong tương lai theo các tiêu chí SMART. Tiếp theo khuyến nghị sử dụng trợ giúp cấu trúc hóa giới thiệu trong Bảng 2 để định nghĩa các chỉ số (xem Trang 41).

Tóm tắt về các chỉ số

- Các chỉ số không phản ánh các đối tượng không thể đo lường trực tiếp hoặc khó đo lường trực tiếp.
- Các chỉ số cho phép so sánh và đánh giá các sự việc. Bằng một thang so sánh xác định (thang đo) có tối thiểu hai đặc điểm khác nhau (giá trị thang đo), các đối tượng được sắp xếp vào các hạng mục xác định và so sánh với chúng.
- Các chỉ số có thể đơn giản hoặc phức tạp. Chúng khác biệt trong loại thang đo của chúng.
- Chất lượng một chỉ số được rút ra từ việc chỉ số đó được xây dựng chính xác như thế nào, nó có thể đo lường và khả thi như thế nào và nó có hữu ích và được chấp nhận như thế nào.

3.2 Các bước xây dựng các chỉ số

Việc xây dựng các chỉ số thông thường không phải là một chuỗi tuyến tính các bước công việc được thiết lập nối tiếp nhau. Thay vào đó, nó là một quá trình xây dựng lặp lại, trong đó tồn tại các vòng phản hồi giữa các bước thiết lập nối tiếp nhau cụ thể. Việc xây dựng chỉ số có thể được tổ chức như một quá trình học tập được thiết kế một cách đệ quy và các chỉ số phải thích ứng với các yêu cầu hiện tại (xem HORN 2011, trang 148).

Các chỉ số cũng cần cho phép thể hiện được các quỹ đạo phát triển. Do đó cần đảm bảo sự phù hợp nhất có thể trong các định nghĩa các chỉ số. Nếu định nghĩa các chỉ số thay đổi nhiều hơn sự thay đổi của quy mô tham chiếu, khoảng thời gian tham chiếu, thời hạn hoặc tương tự thì không thể so sánh được các dữ liệu theo xu hướng! Đồng thời, do có sự ưu tiên cho sự phù hợp và cải tiến chất lượng của các chỉ số nên cần phải thực hiện các điều chỉnh. Đặc biệt, khi tình hình vấn đề và các ưu tiên trong ngành dạy nghề có sự chuyển biến thì phải tập trung vào những nội dung này trong quá trình xây dựng các chỉ số. Chỉ như vậy mới có thể đảm bảo tính phù hợp với công tác điều phối của hệ thống các chỉ số! Trước thực tế này, mỗi hệ thống chỉ số phải được hiểu một mặt như là một sự thỏa hiệp giữa *tính ổn định* của các chỉ số sử dụng trong các phân tích xu hướng và mặt khác *điều chỉnh* chúng để cải tiến chất lượng và tính phù hợp trước bối cảnh thay đổi.

Hình 13 thể hiện 6 bước trọng tâm của một chu kỳ xây dựng chỉ số.

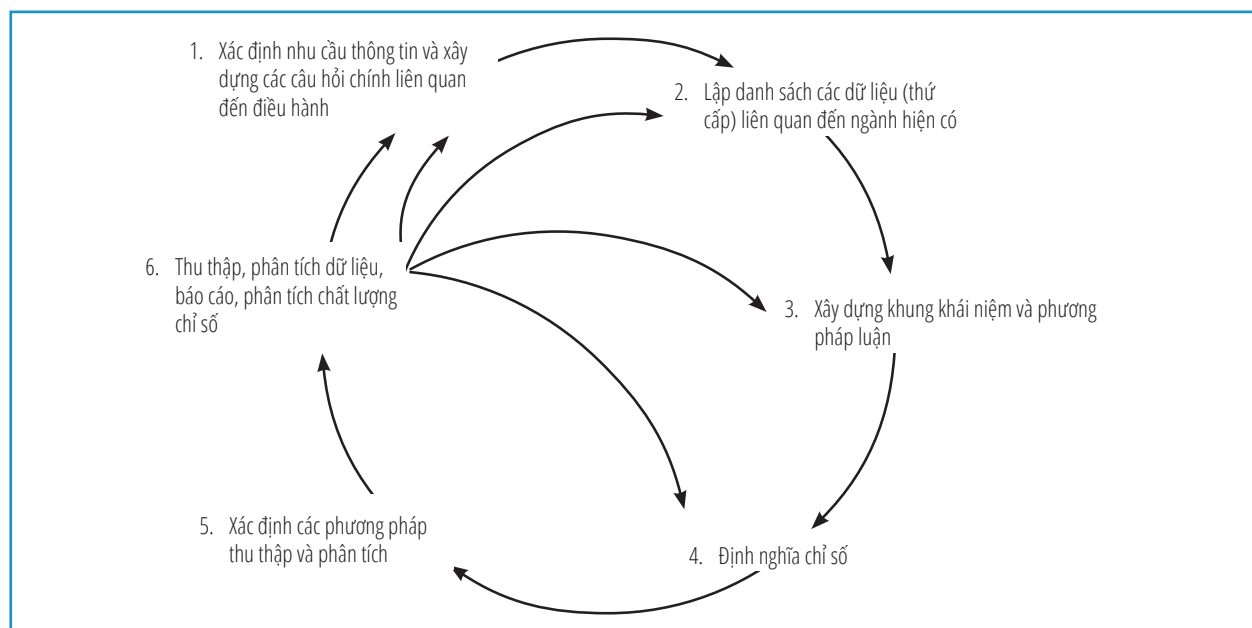
1) Xác định các nhu cầu thông tin và xây dựng các câu hỏi quan trọng liên quan đến điều phối: Bước đầu tiên và rất quan trọng khi xây dựng các chỉ số trong quá trình lập báo cáo dạy nghề là xác định các nhu cầu thông tin liên quan đến ngành cùng với các bên liên quan quan trọng nhất, để đảm bảo tính phù hợp của hệ thống chỉ số. Từ nhu cầu thông tin rút ra các câu hỏi quan trọng, định hướng cấu trúc nội dung và các ưu tiên của một báo cáo dạy nghề.

Quan trọng: Do tình hình vấn đề (liên quan đến ngành) và điều kiện khung thay đổi liên tục nên cần phải thường xuyên tìm hiểu các nhu cầu thông tin. Điều này cần được thực hiện thông qua nhóm điều phối bên ngoài và được lưu ý trong kế hoạch dự án.

2) Kiểm tra dữ liệu của các dữ liệu (thứ cấp) liên quan đến ngành hiện tại:

Sau khi xác định nhu cầu thông tin và xây dựng các câu hỏi quan trọng, cần kiểm tra tình hình dữ liệu. Trong đó tiến hành phân tích tất cả các dữ liệu liên quan của các đơn vị thu thập dữ liệu khác nhau, ví dụ như các cơ quan thống kê.

Hình 13: Các bước xây dựng chỉ số



Nguồn: xem Horn 2012a trang 62 trở đi, theo de Graca/Peano/Saito 2005, Meyer 2007, trang 201 trở đi.

Quan trọng: Để thiết kế quá trình lập báo cáo hiệu quả kinh tế nhất có thể, chỉ trong trường hợp ngoại lệ mới cần phải tự thu thập dữ liệu; tức là chỉ khi hiện không có hoặc không có đủ dữ liệu tin cậy, đủ ý nghĩa.

3) Xây dựng khung khái niệm và thao tác luận:

Khái niệm *Thao tác luận* có nghĩa là „sự liên kết hợp lý giữa sự kiện không thể đo lường và chỉ số cần đo lường bằng một quy tắc phù hợp, tạo ra các thông tin về bản chất của mối quan hệ này“ (xem MEYER 2007, trang 202). Thao tác luận thông thường bao gồm 3 bước:

1. Xác định sự việc cần quan sát và cấu tạo lý thuyết, tạo ra mối quan hệ giữa sự việc và một chỉ số tiềm năng, tức là xác định xem cần thao tác luận chính xác **cái gì**.
2. Nguồn gốc hợp lý của một quy tắc sắp xếp, tức là cấu tạo này cần được thao tác luận **như thế nào** và
3. Xác định số lượng các hạng mục cần thiết của quy tắc này, tức là xác định câu hỏi chỉ số này có thể phản ánh sự việc **chính xác như thế nào** (xem ebd., trang 203).

Ba bước này được thực hiện chủ yếu khi xây dựng khung khái niệm và trước khi thực hiện thiết kế chỉ số chi tiết. Điều đó có nghĩa là, như trong báo cáo dữ liệu của Đức, khi cần phản ánh một *tỉ lệ tham gia đào tạo*, một *tỉ lệ học viên tốt nghiệp* hoặc *tỉ lệ việc làm* của học viên tốt nghiệp, thì phải làm rõ và định nghĩa trước đó thế nào là *học viên*,

học viên tốt nghiệp và *tình hình việc làm* tại thị trường lao động Việt Nam. Ví dụ như một học viên tốt nghiệp học nghề có thể làm việc chính thức hoặc không chính thức, làm việc độc lập hoặc không độc lập, là người sử dụng lao động hoặc thành viên gia đình trợ giúp (đối chiếu HUSS-MANNS 2004).

Chỉ bằng cách giới hạn khái niệm như vậy mới có thể làm rõ sự việc cần xác định là cái gì. Khái niệm cấu tạo lý thuyết (bước 1) có nghĩa là *các khái niệm* về nguyên tắc được lồng ghép vào các giai đoạn khác nhau của việc xây dựng lý thuyết (sự phạm nghệ). VD: Nếu cần khảo sát năng lực của học viên tốt nghiệp học nghề thì cần phải làm rõ khái niệm năng lực và mô hình năng lực nào (cấu tạo lý thuyết) được viện dẫn vào, trước khi suy luận và đo lường các chỉ số. Xây dựng khung khái niệm cần phải thống nhất với các chú giải khái niệm được sử dụng (đặc biệt là trong ngành dạy nghề). Một chú giải khái niệm cho dạy nghề ở Việt Nam hiện đang được xây dựng tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề Việt Nam với sự tư vấn của Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ).

Một điểm quan trọng nữa trong xây dựng khung khái niệm là sự phù hợp với các khái niệm và hệ thống khái niệm của các tổ chức thu thập dữ liệu khác, dựa trên các dữ liệu thứ cấp của họ. Ở đây cần hướng tới sự thống nhất và chặt chẽ, do các chỉ số và dữ liệu dựa trên những định nghĩa khác nhau không thể so sánh được.

Quan trọng: Tính rõ ràng, chặt chẽ và hệ thống của khái niệm trong ngành dạy nghề là các điều kiện quyết định để giám sát hiệu quả. Một khung khái niệm chặt chẽ không chỉ liên quan đến giám sát ngành và sự phù hợp của nó với các cơ sở thu thập dữ liệu tham chiếu, mà còn liên quan đến tính rõ ràng của chiến lược và các mục tiêu đã xây dựng, như được định nghĩa trong Chiến lược dạy nghề Việt Nam 2011-2020 (xem NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 2012) và các cuộc thảo luận chuyên môn liên quan đến ngành.

4) Định nghĩa chỉ số:

Dựa trên khung khái niệm đã định nghĩa, tiếp tục thực hiện quá trình thao tác luận: Sau khi định nghĩa được sự việc cần biểu thị và cấu tạo lý thuyết để làm rõ tiếp cận với sự việc và suy ra quy tắc sắp xếp từ cấu tạo lý thuyết thì cần phải cụ thể hóa các chỉ số. Trong đó phải làm rõ,

- chỉ số có ý nghĩa như thế nào,
- chỉ số có thể có loại thang đo nào,
- có thể đặt ra bao nhiêu loại đặc điểm trên thang đo này (tức là, chỉ số này cần thu thập chính xác như thế nào),

- chỉ số này nên có quy mô tham chiếu bao nhiêu,
- chỉ số này dựa trên các nguồn dữ liệu nào và
- chỉ số này cần có thời hạn bao lâu.

Để thiết kế định nghĩa các chỉ số một cách hệ thống, rõ ràng và minh bạch, xin khuyến nghị Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề dựa trên Bảng 2 như một sự trợ giúp cấu trúc hóa để định nghĩa tất cả các chỉ số được sử dụng trong báo cáo dạy nghề Việt Nam. Trợ giúp cấu trúc hóa này dựa trên cấu trúc nội dung được sử dụng trong lập báo cáo dạy nghề của Đức.

Bảng 2: Bảng trợ giúp để định nghĩa các chỉ số

Tên các chỉ số	Ở đây nêu tên/tên gọi của chỉ số.
Thông điệp cốt lõi	Ở đây nêu rõ chỉ số phản ánh điều gì, chỉ số mô tả điều gì.
Tính cập nhật	Ở đây nêu rõ, dữ liệu tham chiếu đến khoảng thời gian nào và liệu khoảng thời gian đó có đủ phù hợp để suy luận ra các báo cáo hiện hành
Ý nghĩa đối với dạy nghề	Ở đây nêu phạm vi ý nghĩa của chỉ số và tính phù hợp của chỉ số đối với hệ thống dạy nghề Việt Nam.
Quy mô tham chiếu	Đối với các con số tỉ lệ (tỉ lệ), ở đây nêu quy mô quan tâm (tử số) và quy mô cơ bản (mẫu số).
Tính toán	Đối với tỉ lệ, ở đây nêu ra công thức.
Khả năng khác biệt	Ở đây nêu ra từng tiểu mục (ví dụ Giới)
Nguồn dữ liệu	Ở đây nêu những dữ liệu nào của tổ chức thu thập dữ liệu nào được sử dụng.
Ngày hoàn thành	Ở đây nêu ngày hoàn thành việc thu thập dữ liệu (không phải ngày phân tích dữ liệu và không phải ngày công bố kết quả).
Thông tin về chất lượng các chỉ số	Ở đây nêu chất lượng/độ tin cậy của dữ liệu để đánh giá ý nghĩa của chỉ số, hoặc nêu các giới hạn ý nghĩa của chỉ số, và nêu các nguyên nhân có thể dẫn đến những sai lệch.
Các câu hỏi khác/thường xuyên được đặt ra	Ở đây phải cung cấp các chú giải, làm rõ các câu hỏi được đặt ra trong các diễn đàn chuyên môn và đưa ra các thông tin về các chỉ số khác có thể, được các tổ chức thu thập dữ liệu khác thu thập theo cách thức khác.
Công bố/xuất bản tập trung	Ở đây cần phải nêu tên các phương tiện công bố, công bố thứ nhất các thông tin về định nghĩa các chỉ số và thứ hai là kết quả thu thập chỉ số (đặc biệt là trong báo cáo dạy nghề).

Nguồn: Xem Dionisius/Lissek/Schier 2012 - Url: www.bibb.de/veroeffentlichungen/de/publication/show/id/6830 (Ngày: 12.1.2015)

Do hầu như không thể thực hiện đột xuất các định nghĩa chỉ số trong hệ thống này và dưới dạng chi tiết cho tất cả các chỉ số được sử dụng trong báo cáo dạy nghề của Việt Nam 2012, nên khuyến nghị bắt đầu với các chỉ số đặc biệt liên quan đối với bối cảnh Việt Nam và từ từ mở rộng ra các chỉ số khác.

Quan trọng: Các chỉ số phải được định nghĩa một cách hệ thống: ý nghĩa, tính phù hợp, quy mô tham chiếu và công thức tính toán, tuy nhiên cả thời hạn thu thập dữ liệu và tính cập nhật của dữ liệu cũng cần được xây dựng, tuân thủ và công bố một cách minh bạch và có hệ thống.

5) Xác định các phương pháp thu thập và phân tích:

Trong quá trình thiết kế các chỉ số cần làm rõ xem nên sử dụng các phương pháp phân tích dữ liệu nào. Nếu Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề muốn tự thu thập dữ liệu thì phải kiểm tra xem cần thu thập những dữ liệu nào để xác định chỉ số và đòi hỏi chi phí tài chính và thời gian như thế nào.

Nếu cần phải xử lý các dữ liệu thứ cấp và tập hợp thành các chỉ số phức tạp („bù trừ“) thì phải đánh giá độ sâu chuyên môn của quy trình phân tích định tính và định lượng và các yêu cầu chuyên môn liên quan đối với các cán bộ phụ trách phân tích dữ liệu của Viện Nghiên cứu

Khoa học Dạy nghề. Nếu các giới hạn tính khả thi được xác định thì cần phải cân nhắc xem cán bộ cần phải được tiếp tục bồi dưỡng trình độ chuyên môn trong lĩnh vực cụ thể gì ở công tác phân tích dữ liệu hoặc làm cách nào có thể tiếp tục đơn giản hóa các chỉ số để các chỉ số mất ý nghĩa ít nhất có thể và vẫn có thể thực hiện thu thập và phân tích chúng.

Quan trọng: Khi định nghĩa các chỉ số và xác định các phương pháp thu thập và phân tích cần phải cân đối tính chính xác và ý nghĩa với tính khả thi của công tác thu thập và phân tích dữ liệu. Một chỉ số rất chính xác có ý nghĩa cao nhưng lại khó phân tích, không phải là một „chỉ số tốt“.

6) Thu thập, phân tích dữ liệu và báo cáo, phân tích chất lượng các chỉ số:

Thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu cũng như báo cáo phải ăn khớp với một quy trình phát triển chất lượng liên tục.

Ở đây trước hết cần lên kế hoạch thời gian. Khi thu thập dữ liệu và phân tích, các vấn đề phát sinh, mâu thuẫn, lỗi logic và sự thiếu chặt chẽ của các chỉ số đã sử dụng phát sinh trong quá trình chuẩn bị báo cáo phải được ghi nhận một cách cẩn thận. Đối với các vấn đề đã ghi biên bản trong quá trình thu thập, phân tích dữ liệu và báo cáo cũng như các lỗi đã ghi nhận trong hệ thống chỉ số, cần thực hiện các hội thảo liên tục để cải tiến chất lượng các chỉ số và tối ưu hóa các quá trình khi lập báo cáo. Cần tiếp tục có sự tư vấn quốc tế, chẳng hạn như của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ).

Quan trọng: Thu thập, phân tích dữ liệu và báo cáo cần phải ăn khớp liên tục với quá trình phát triển chất lượng các chỉ số và tối ưu hóa các quá trình khi lập báo cáo. Cần tiếp tục dựa vào tư vấn quốc tế trong quá trình phát triển chất lượng.

Tóm tắt về xây dựng các chỉ số

- Các chỉ số phải dựa trên các nhu cầu thông tin và các câu hỏi dẫn dắt điều tra bắt nguồn từ đó. (ai cần thông tin gì để điều phối trong ngành?)
- Các nhu cầu thông tin, các câu hỏi dẫn dắt điều tra và các chỉ số bắt nguồn từ đó phải liên tục được kiểm tra và cập nhật.
- Các chỉ số phải dựa trên các khái niệm được định nghĩa. Các khái niệm này phải phù hợp với các định nghĩa khái niệm đã sử dụng trong ngành dạy nghề và tại các tổ chức thu thập dữ liệu khác có liên quan (ví dụ các cơ quan thống kê).
- Các chỉ số phải cho phép khẳng định về các sự việc cụ thể và được xây dựng SMART. Phải xác định ý nghĩa của chỉ số.
- Các định nghĩa phải thực hiện minh bạch và cho phép người đọc được tiếp cận.
- Các chỉ số phải được đo lường và xác định đặc điểm của các giá trị thang đo.
- Phải xác định các nguồn dữ liệu và kiểm định tính tin cậy của chúng.
- Phải xác định các thời điểm thu thập, khoảng thời gian thu thập và nơi thu thập.

3.3 Tính so sánh của các chỉ số

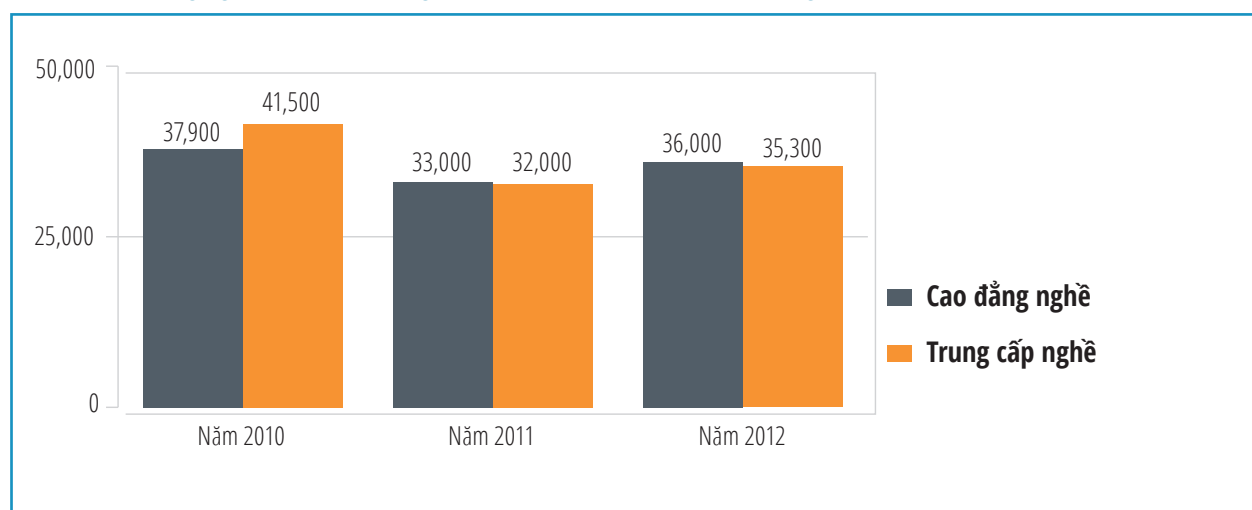
Các chỉ số cần cho phép so sánh và cho phép đánh giá các sự việc không thể hoặc rất khó có thể đo lường khác nhau. Trong Chương 3.1 đã giới thiệu có 4 loại so sánh trọng tâm đối với lập báo cáo dạy nghề là: So sánh giá trị hiện tại với các giá trị mục tiêu xác định (phân tích đạt được mục tiêu), với các giá trị trước đó (phân tích xu hướng), với các giá trị ngưỡng quan trọng (phân tích giá trị ngưỡng) và với các giá trị của các đơn vị quan sát khác (phân tích cân đối). Trong Chương 3.3.1 đã phân tích chi tiết hơn về *Phân tích xu hướng* và trong Chương 3.3.2 nêu rõ hơn

về *Phân tích cân đối*, do cả hai loại phân tích đều đặc biệt phù hợp để xây dựng các báo cáo dạy nghề tại Việt Nam. Chương 3.3.2 đề cập đến khả năng so sánh quốc tế và khu vực dựa trên các chỉ số.

3.3.1 Phân tích xu hướng

Nhiều dữ liệu có trong báo cáo dạy nghề Việt Nam 2012 được trình bày như những dòng xu hướng, chẳng hạn như số lượng người bắt đầu học nghề (khác biệt theo loại hình trường học) (đối chiếu Hình 14).

Hình 14: Số lượng người bắt đầu học nghề ở Việt Nam theo loại hình trường học



Nguồn: VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC DẠY NGHỀ 2012, trang 73

Hình 14 cho thấy rằng số lượng người bắt đầu học nghề năm 2011 so với năm 2010 đã giảm xuống, tuy nhiên lại tăng nhẹ vào năm 2012 nhưng vẫn nằm dưới ngưỡng của năm 2010.

Khuyến nghị mở rộng trình bày những xu hướng này sang các dữ liệu khác có trong báo cáo dạy nghề của Việt Nam, ví dụ như trình độ chuyên môn của cán bộ giảng dạy. Ở đó sẽ giới thiệu nhiều lĩnh vực trong so sánh xu hướng (ebd., trang 54 trở đi). Do trong chiến lược dạy nghề 2011-2020 đã đề ra mục tiêu nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ giảng dạy, nên tất cả các lĩnh vực trình độ chuyên môn cần phải được trình bày như những xu hướng.

Quan trọng: Việc trình bày so sánh xu hướng (so sánh xu hướng) chỉ có thể thực hiện, khi các chỉ số có cùng định nghĩa, sử dụng cùng nguồn dữ liệu và có cùng thời hạn thu thập dữ liệu. Nếu cần thay đổi các chỉ số trong quá trình cải tiến chất lượng hoặc thích ứng với các điều kiện khung thay đổi thì so sánh xu hướng phải được bắt đầu mới kể từ thời điểm thay đổi.

3.3.2 Tính so sánh quốc tế và khu vực

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế và khu vực, đặc biệt là trong Hiệp hội các nước ASEAN. Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam cũng hướng tới tăng cường hội nhập này (xem NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 2014). Do đó, các chỉ số sử dụng trong các báo cáo dạy nghề của Việt Nam cần phải cho phép khả năng so sánh quốc tế. Điều này cho đến nay vẫn là một thách thức. Ví dụ như xác định *trình độ chuyên môn của giáo viên* trong cả hai báo cáo dạy nghề thí điểm (xem VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC DẠY NGHỀ QUỐC GIA 2011, Trang 34 trở đi; VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC DẠY NGHỀ QUỐC GIA 2012, Trang 54 trở đi). Trong báo cáo dạy nghề năm 2012 đã thảo luận về phần *trình độ chuyên môn của giáo viên – kiến thức chuyên môn nghề, khả năng thực hành chuyên môn, kiến thức tiếng, kỹ năng IT và các kỹ năng sư phạm* (xem ebd., trang 55 trở đi). Các kiến thức và kỹ năng này được phân tích theo hướng „đạt được mức độ yêu cầu tối thiểu“. Một điểm tích cực là các tiêu chuẩn chuyên môn này (kiến thức chuyên môn nghề, khả năng thực hành chuyên môn, kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng IT và kỹ năng sư phạm) được làm rõ trong các báo cáo. Các cấp bậc mức độ khác nhau đã

được xác định, có khác biệt đối với các loại hình trường học khác nhau. Từ đó thấy rõ mức độ đạt được tiêu chuẩn. Điểm yếu ở đây là các tiêu chí của các cấp bậc mức độ không được làm rõ và nó liên quan đến các tiêu chuẩn quốc gia. Kết quả đạt được tiêu chuẩn trình độ chuyên môn của giáo viên mới chỉ được các chuyên gia Việt Nam đánh giá, chứ chưa có sự tham gia của các chuyên gia quốc tế. Do đó khuyến nghị dẫn chiếu đến các tiêu chí của các cấp bậc mức độ. Để có thể phân tích trình độ và mức năng lực của giáo viên trong tương quan quốc tế, khuyến nghị Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế phổ biến.

Quan trọng: Để có thể làm cho công chúng quốc tế hiểu được sự việc, các chỉ số phải dựa trên các tiêu chuẩn có thể so sánh quốc tế. Quy mô tham chiếu và nguồn dữ liệu phải minh bạch.

3.4 Mô hình chất lượng và tác động của dạy nghề

Trong cuộc tranh luận chuyên môn quốc tế về nghiên cứu dạy nghề, từ nhiều năm qua người ta đã nhấn mạnh rằng hệ thống giám sát phải hướng đến *chất lượng và tác động của dạy nghề* (xem STOCKMANN 2006, ARNOLD/FABER/WIECKENBERG 2002). Điều này cũng cần phải được lưu ý trong quá trình thiết lập báo cáo dạy nghề. Do người ta ngày càng sử dụng các mô hình và công cụ quản lý chất lượng trong dạy nghề và do hàng loạt các mô hình quản lý chất lượng dạy nghề được thảo luận trong các nghiên cứu dạy nghề và nghiên cứu đánh giá đào tạo nghề nên các phương pháp tiếp cận và mô hình đã sử dụng rất đa dạng (đối chiếu ebd.; BIBB 2010; EBBINGHAUS 2009; HORN 2012b). Điều này cũng áp dụng cho mô hình hóa *các tác động của dạy nghề* (xem STOCKMANN/SILVESTRINI 2013; Döbert 2009; STOCKMANN 2006).

Trong phạm vi hướng dẫn này không thể đưa ra một cái nhìn tổng quan về các phương pháp tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên cần khẳng định rằng trong quá trình lập báo cáo dạy nghề cần phải lưu ý đến *chất lượng và tác động của dạy nghề* trong quá trình xây dựng các chỉ số. Tức là trên cơ sở một mô hình chất lượng và tác động phải xây dựng **các chỉ số đầu vào, quá trình, đầu ra và tác động**.

Điều này đã được thực hiện trong quá trình lập báo cáo dạy nghề của Việt Nam, với sự hỗ trợ của chuyên gia CIM tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề đã xây dựng ra một dự thảo hệ thống giám sát ngành của Việt Nam dưới

dạng một mô hình có các chiều quản lý ngành dạy nghề (xem Hình 1, Chương 1.3.2). Mô hình này cần phải được nhấn mạnh một cách hệ thống trong quá trình xây dựng các chỉ số với các chỉ số đầu ra, quá trình, đầu vào và tác động.

Dự thảo này ăn khớp với hệ thống giám sát của Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam của Tổng cục Dạy nghề và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) (đối chiếu HORN 2014a). Ngoài ra, *Chương trình Cải cách dạy nghề tại Việt Nam* của Tổng cục Dạy nghề/Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) cùng với Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề quốc gia đã thực hiện giám sát *tình hình việc làm và trình độ năng lực* của các học viên tốt nghiệp các cơ sở dạy nghề được hỗ trợ so với các cơ sở không được hỗ trợ như một *phân tích tác động* của dạy nghề. Việc giám sát cũng được thực hiện *đối với công tác thiết kế bài giảng* trong các cơ sở dạy nghề được hỗ trợ theo hướng thực tiễn, một *chỉ số quá trình* quan trọng của dạy nghề (xem TỔNG CỤC DẠY NGHỀ, TỔ CHỨC HỢP TÁC QUỐC TẾ ĐỨC (GIZ) 2014).

Các báo cáo dạy nghề của Việt Nam 2011 và 2012 bao gồm chủ yếu các chỉ số đầu vào (đối chiếu Hình 1 và Bảng 1). Ở đây cần lưu ý rằng Bảng 1 ngoài số lượng học viên tốt nghiệp (số liệu đầu ra) và tình hình việc làm của học viên tốt nghiệp các cơ sở dạy nghề được hỗ trợ của *Chương trình Cải cách dạy nghề tại Việt Nam* của Tổng cục Dạy nghề/Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) còn có các chỉ số và số liệu đầu vào. Do đó khuyến nghị thu thập các chỉ số *quá trình, đầu ra và kết quả đầu ra* trong hệ thống dạy nghề Việt Nam và giới thiệu trong báo cáo dạy nghề:

Tỉ lệ thành công của các bài thi tốt nghiệp, dựa trên các tiêu chuẩn thi bắt buộc (và có thể so sánh quốc tế (xem BIBB 2012, trang 119 trở đi),

Tỉ lệ bỏ học (xem BIBB 2012, trang 104 trở đi),

Tỉ lệ việc làm của học viên tốt nghiệp (xem HORN 2014a, trang 29),

Đánh giá năng lực của học viên tốt nghiệp (xem *Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam 2014* của Tổng cục Dạy nghề/Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ)) và

Đánh giá giờ giảng của giáo viên (xem HORN 2014a, trang 30, HORN 2014b).

Quan trọng: Trong lập báo cáo dạy nghề ở Việt Nam hiện đang ưu tiên trình bày các chỉ số đầu vào. Trong tương lai cần đưa thêm các chỉ số quá trình, đầu ra và tác động.

4 Khuyến nghị và đề xuất thực tế cho Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề

Cuối cùng, một danh sách các câu hỏi để chuẩn bị cho quá trình lập các báo cáo dạy nghề sẽ giúp hỗ trợ thực tế (xem Bảng 4). Như chính Hướng dẫn, trọng tâm ở đây tập trung vào điều phối/thiết kế quy trình dự án và chủ đề cốt lõi

trong lập báo cáo dạy nghề: Xây dựng các chỉ số. Trong trường hợp không thể trả lời các câu hỏi bằng Có thì cần lập những ghi chú ngắn trong phần „Ghi chú“ để sử dụng riêng những gì khi nào cần cải tiến.

Bảng 3: Checklist để lập báo cáo dạy nghề ở Việt Nam

STT	Câu hỏi	Có	Không	Ghi chú để sử dụng riêng
Các điều kiện tổ chức, con người và kỹ thuật để lập các báo cáo dạy nghề				
1	Yêu cầu có rõ ràng không? Nhu cầu của các bên liên quan đã được làm rõ chưa? Các câu hỏi cụ thể liên quan đến các điều kiện khung pháp lý hiện hành đã được làm rõ chưa?			
2	Có một nhiệm vụ chính thức để lập báo cáo dạy nghề ở Việt Nam chưa?			
3	Các nhóm công tác lập báo cáo dạy nghề tại Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề có tiếp tục làm việc không?			
4	Có đủ nhân lực để lập báo cáo không?			
5	Nhân lực này có đủ trình độ chuyên môn không? (Trường hợp không: cán bộ nào cần phải được bồi dưỡng nâng cao về chủ đề nào? Bồi dưỡng nâng cao được bảo đảm bằng cách nào?)			
6	Trong các nhóm công tác có xây dựng ngân hàng dữ liệu không và những ngân hàng dữ liệu này có dựa trên phần mềm phổ biến không?			
7	Ngân hàng dữ liệu có được trang bị bằng mã không?			
8	Ngân hàng dữ liệu có được duy trì/cập nhật liên tục không?			
Lên kế hoạch thời gian				
9	Có quy định thời hạn phải nộp báo cáo không?			
STT	Câu hỏi	Có	Không	Ghi chú để sử dụng riêng
10	Có đủ thời gian để lập báo cáo không?			
11	Có quy định thời hạn cung cấp dữ liệu thứ cấp không?			
12	Có đủ thời gian để chỉnh sửa và biên dịch không?			
13	Các dữ liệu khác có phải tự thu thập không? Nếu có, khi nào?			
14	Có phải tính toán lại dữ liệu không? Nếu có, cần bao nhiêu bước công việc và bao nhiêu thời gian để làm việc đó?			
15	Nhân sự tham gia lập báo cáo có được miễn các nhiệm vụ khác không?			
16	Có đủ thời gian để cải tiến chất lượng các chỉ số không?			
Các chỉ số và dữ liệu				
17	Tất cả các chỉ số có đều dựa trên các nhu cầu thông tin đã xây dựng và các câu hỏi dẫn dắt nghiên cứu bắt nguồn từ đó không? Trường hợp không, chỉ số nào không?			
18	Các chỉ số hiện tại có phản ánh rõ ràng các đối tượng không? Trường hợp không, chỉ số nào không?			
19	Tất cả các chỉ số hiện tại có dựa trên các khái niệm xác định không? Trường hợp không, chỉ số nào không?			
20	Các định nghĩa này có minh bạch và dễ tiếp cận cho người dùng không? Trường hợp không, định nghĩa nào không?			
STT	Câu hỏi	Có	Không	Ghi chú để sử dụng riêng
21	Các khái niệm này có phù hợp với các khái niệm được sử dụng trong lĩnh vực dạy nghề và trong các tổ chức thu thập tham chiếu khác không (ví dụ như các cơ quan thống kê)? Trường hợp không, khái niệm nào không?			
22	Các nguồn dữ liệu có được định nghĩa không và có tin cậy không? Trường hợp không, nguồn dữ liệu nào không?			
23	Các thời điểm thu thập, khoảng thời gian thu thập và nơi thu thập có được xác định không? Trường hợp không, cái gì không?			
24	Tất cả các chỉ số hiện tại có còn cập nhật đối với tình hình vấn đề hiện tại không? Trường hợp không, chỉ số nào không?			

Nguồn: Tự minh họa

Tài liệu tham khảo

- Arnold, Rolf; Faber, Konrad; Wieckenberg, Uwe: Phương pháp và công cụ bảo đảm chất lượng thực tế trong hợp tác dạy nghề. In: Arnold, Rolf (NXB): Bảo đảm chất lượng thực tế trong hợp tác dạy nghề. Baden-Baden 2002, trang 67 - 133
- Bortz, Jürgen; Döring, Nicole: Phương pháp nghiên cứu và đánh giá đối với các nhà khoa học xã hội và nhân văn. Heidelberg 2006
- Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang: Lập báo cáo dạy nghề. Trình bày Powerpoint trong khuôn khổ hội thảo bồi dưỡng nâng cao để thiết lập báo cáo dạy nghề tại Việt Nam. Hà Nội 2012 (tài liệu bồi dưỡng nội bộ)
- Viện Đào tạo nghề Liên bang: Báo cáo dữ liệu cho báo cáo dạy nghề 2010. Các thông tin và phân tích để phát triển dạy nghề. Bonn 2010a
- Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang: Báo cáo dữ liệu cho báo cáo dạy nghề 2012. Các thông tin và phân tích để phát triển dạy nghề. Bonn 2012
- Viện Đào tạo nghề Liên bang: Báo cáo dữ liệu cho báo cáo dạy nghề 2013. Các thông tin và phân tích để phát triển dạy nghề. Bonn 2013
- Viện Đào tạo nghề Liên bang: Báo cáo dữ liệu cho báo cáo dạy nghề 2014. Các thông tin và phân tích để phát triển dạy nghề. Bonn 2014
- Viện Đào tạo nghề Liên bang: Hội thảo xây dựng báo cáo dạy nghề quốc gia tại Việt Nam. Tài liệu hội thảo trong khuôn khổ hội thảo bồi dưỡng nâng cao để thiết lập báo cáo dạy nghề tại Việt Nam, Hà Nội 2011 (tài liệu bồi dưỡng nội bộ)
- Viện Đào tạo nghề Liên bang: Bài trình bày trong khuôn khổ hội thảo bồi dưỡng nâng cao để thiết lập báo cáo dạy nghề tại Việt Nam. Hà Nội 2010b (tài liệu bồi dưỡng nội bộ)
- Bộ đào tạo nghề Liên bang: Báo cáo dạy nghề 2010. Bonn, Berlin 2010
- Bộ đào tạo nghề Liên bang: Báo cáo dạy nghề 2014. Bonn, Berlin 2014
- De Graca, Patricia Dias; Peano, Serge; Saito, Mioko: Hệ thống thông tin quản lý giáo dục. Reader Course 301. Chương trình đào tạo nâng cao. UNESCO ((NXB). Paris 2005 http://www.hanoi.diplo.de/contentblob/3785348/Daten/3472741/Hanoier_Erklaerung.pdf (Ngày 25.5.2015)
- DIONISIUS, Regina; LISSEK, Nicole; SCHIER, Friedel (NXB): Tham gia vào dạy nghề – Tổng quan các chỉ số và tỉ lệ. Bonn 2012 - Url: <http://www.bibb.de/veroeffentlichungen/de/publication/show/id/6830> (Ngày: 25.5.2015)
- DÖBERT, Hans u.a.: Khái niệm chỉ số lập báo cáo dạy nghề quốc gia ở Đức. In: TIPPELT, Rudolf. (NXB): Quản lý thông qua các chỉ số. Phản ánh phương pháp luận và lý thuyết vào lập báo cáo dạy nghề ở Đức và quốc tế. Opladen 2009, trang 207–265
- EBBINGHAUS, Margit: Công cụ bảo đảm chất lượng trong thực tế đào tạo thực hành. Trong: Dạy nghề trong lý thuyết và thực hành 5 (2009), trang 14 – 18
- FRIEDRICH, Michael.; KREKEL, Elisabeth M.: Đo lường báo cáo dạy nghề - thế giới đào tạo (nghề) và báo cáo dữ liệu của Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức. Trong: Dạy nghề trong khoa học và thực tiễn, 39 (2010) 3, trang 26-30
- TỔNG CỤC DẠY NGHỀ; TỔ CHỨC HỢP TÁC QUỐC TẾ ĐỨC (GIZ) (NXB): Giám sát và đánh giá trong dạy nghề: Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2013. Hà Nội 2014
- HORN, Steffen: Đề cương Hệ thống giám sát và đánh giá (M&E) của Hợp tác Việt-Đức “Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề tại Việt Nam”. TỔNG CỤC DẠY NGHỀ; TỔ CHỨC HỢP TÁC QUỐC TẾ ĐỨC (GIZ) (NXB), Hà Nội 2014a
- HORN, Steffen: Giám sát và đánh giá trong dạy nghề: Báo cáo kết quả giám sát giờ giảng tại các cơ sở dạy nghề được hỗ trợ trong khuôn khổ “Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề ở Việt Nam”. Năm 2013. Hà Nội 2014b
- HORN, Steffen: Chỉ đạo quốc gia về đổi mới trong đào tạo nghề theo chiến lược dạy nghề quốc gia thông qua giám sát và đánh giá. Các đề xuất phát triển một hệ thống giám sát và đánh giá ngành có hệ thống. Tạp chí NIVT 1 (2012a), trang 60-64
- HORN, Steffen: Quản lý chất lượng trong ngành dạy nghề ở Đức. Tạp chí NIVT 4 (2012), trang 47-55
- HORN, Steffen: Bản thảo đầu tiên của hệ thống giám sát ngành của hệ thống dạy nghề tại Việt Nam. Hà Nội 2012c (tài liệu nội bộ của NIVT)
- HORN, Steffen: Đánh giá hiệu quả hợp tác dạy nghề song phương, phi nhà nước của Đức tại Ghana. Xây dựng phương pháp đánh giá hệ thống trong phạm vi một

nghiên cứu tình huống của chương trình dạy nghề được Evangelischen Entwicklungsdienst e. V. hỗ trợ cho nữ giới. Dresden 2011

HUSSMANN, Ralf: Đo lường kinh tế không chính thức: Từ việc làm trong ngành không chính thức đến việc làm không chính thức. Tổ chức Lao động quốc tế (NXB). Genf 2004

KLUVE, Jochen: Đo lường tác động việc làm của các biện pháp phát triển hợp tác kỹ thuật. Khuyến nghị về phương pháp. Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) (NXB). Bonn, Eschborn 2012

Kuster, Jürg, u.a.: Sổ tay quản lý dự án. Berlin, Heidelberg, New York 2011

MAYRING, Philipp (2010): Phân tích nội dung định tính. Cơ sở và kỹ thuật. Weinheim, Basel 2010

MEYER, Wolfgang: Đo lường: Chỉ số – Thang đo – Chỉ số – Diễn giải. Trong: STOCKMANN, Reinhard (Hrsg.): Sổ tay đánh giá. Hướng dẫn hành động thực tiễn. Münster et al 2007, trang 195 - 222

MEYER, Wolfgang (2004): Xây dựng các chỉ số. Giới thiệu định hướng thực hành. CEval-Tài liệu làm việc 10. Saarbrücken 2004

MEYER, Wolfgang; THOMAS, Stefan: Giám sát và đo lường tác động trong lĩnh vực dạy nghề và thị trường lao động. Hướng dẫn thực hành. Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) (NXB). Bonn, Eschborn 2011

MILDE, Bettina: Lại khám phá –đọc mới. Bettina Milde nhìn lại trên 30 năm báo cáo dạy nghề. Trong: Dạy nghề trong lý thuyết và thực hành 40 (2011) 2, trang 54-56

VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC DẠY NGHỀ: NIVT – Chức năng và nhiệm vụ. (Sách tự giới thiệu NIVT – tài liệu nội bộ). Hà Nội 2013a: Báo cáo dạy nghề Việt Nam 2012. Hà Nội 2013b

VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC DẠY NGHỀ: Báo cáo dạy nghề Việt Nam 2011. Hà Nội 2012

RAUNER, Felix: KOMET –Đo lường năng lực nghề trong lĩnh vực nghề điện tử. Trong: Dạy nghề trong lý thuyết và thực hành 1 (2010), trang 22-26

REICHART, Elisabeth; MÜLHEIMS, Kirsten: Lập báo cáo dạy nghề là công cụ quản lý để bồi dưỡng nâng cao. 2012. - URL: <http://www.die-bonn.de/doks/report/2012-berichterstattung-01.pdf> (Ngày: 12.1.2015)

VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ (RWI): Dạy nghề cho nhu cầu thị trường lao động – Khái niệm nghiên cứu lần vết. Essen 2014

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM: Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 630/QĐ-TTg. Phê duyệt chiến lược phát triển dạy nghề trong giai đoạn 2011-2020. Hà Nội 2012

STOCKMANN, Reinhard: Đánh giá và phát triển chất lượng. Một cơ sở để quản lý chất lượng hiệu quả. München 2006

STOCKMANN, Reinhard: Đo lường tác động của các dự án dạy nghề – một phương pháp đánh giá và cơ sở lý thuyết của nó. Saarbrücken 2002

STOCKMANN, Reinhard; SILVESTRINI, Stefan: Đánh giá meta dạy nghề; Mục tiêu, tác động và các yếu tố thành công của hợp tác dạy nghề Đức. Münster 2013

NGÂN HÀNG THẾ GIỚI: Châu Á Thái Bình Dương: Việc làm, doanh nghiệp và Wellbeing. Washington, D.C. 2014

